

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ
GIAI ĐOẠN 2015-2019**

Nghệ An, 12/2019

MỤC LỤC

Danh mục các chữ viết tắt	2
Mở đầu	3
Phần 1: Tổng quan về công tác kiểm tra đánh giá	4
Phần 2: Thực trạng về công tác kiểm tra đánh giá tại Trường Đại học Vinh	20
Phần 3: Nghiên cứu xây dựng các quy định, quy trình và hướng dẫn về công tác kiểm tra đánh giá trong đào tạo theo tiếp cận năng lực tại Trường Đại học Vinh	26
Phần 4: Một số kết quả thực hiện	33
Kiến nghị	52

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Các chữ viết tắt	Các chữ viết đầy đủ
1	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
2	NHCH	Ngân hàng câu hỏi
3	TTĐBCL	Trung tâm Đảm bảo chất lượng
4	CNTT	Công nghệ thông tin

MỞ ĐẦU

Kiểm tra và đánh giá trong dạy học có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã nêu rõ: chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất. Một trong các nhiệm vụ và giải pháp được đặt ra là đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội.

Thực hiện quan điểm chỉ đạo trên, trong những năm học vừa qua, Trường Đại học Vinh đã tích cực, chủ động trong việc đổi mới nội dung, chương trình, phương thức đào tạo và phương thức KTĐG nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục. Nhà trường coi công tác KTĐG của người học là một khâu quan trọng trong đổi mới đào tạo, là hoạt động chủ yếu tác động đến đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp học tập của sinh.

Phần 1: Tổng quan về công tác kiểm tra đánh giá

1.1. Một số khái niệm cơ bản về kiểm tra đánh giá trong dạy học

1.1.1. Đo lường (measurement)

Đo lường là một khái niệm chuyên dùng để chỉ sự so sánh một sự vật hay hiện tượng với một thước đo hay chuẩn mực, có khả năng trình bày kết quả dưới dạng thông tin định lượng hoặc định tính. Nói cách khác, đo lường là một hoạt động sử dụng thang đo với mục đích gán con số hoặc thứ bậc cho đối tượng đo (nghiên cứu) theo một hệ thống quy tắc hay chuẩn mực nào đó.

Đối với hoạt động dạy học, đo lường là quá trình thu thập thông tin một cách định lượng về các đại lượng đặc trưng như nhận thức, tư duy, kỹ năng và các phẩm chất nhân cách khác trong quá trình giáo dục. Đo lường có thể thông qua việc thi kiểm tra để xác định mức độ người học nắm được kiến thức một môn học hoặc mức độ hiểu biết về một vấn đề nào đó.

1.1.2. Trắc nghiệm (test)

Trắc nghiệm là một phép thử (kiểm tra) để nhận dạng, xác định, thu nhận những thông tin phản hồi về những khả năng, thuộc tính, đặc tính, tính chất của một sự vật hay hiện tượng nào đó.

Trắc nghiệm trong dạy học cũng là một phép thử (một phương pháp kiểm tra đánh giá) nhằm đánh giá khách quan trình độ, năng lực cũng như kết quả học tập của người học trước, trong quá trình và khi kết thúc một giai đoạn học tập nhất định. Phương pháp trắc nghiệm có thể là khách quan hoặc chủ quan.

1.1.3. Kiểm tra đánh giá (assessment)

Theo Griffin, kiểm tra đánh giá (KTĐG) là một sự mô tả, bao gồm các hoạt động thu thập thông tin minh chứng về thành quả học tập của người học và diễn giải ý nghĩa thông tin minh chứng đó, mô tả thành quả học tập của người học dựa trên sự diễn giải.

Theo Hội đồng quốc gia về đo lường trong giáo dục của Hoa Kỳ, KTĐG trong dạy học là quá trình thu thập thông tin để đưa ra những quyết định giáo dục liên quan tới người học, để phản hồi cho người học về sự tiến bộ, những điểm mạnh và điểm tồn tại trong học tập của họ, để đưa ra các quyết định về hiệu quả của công tác giảng dạy, sự phù hợp của chương trình đào tạo và cuối cùng là để cung cấp thông tin xây dựng chính sách.

1.1.4. Đánh giá (evaluation)

Đánh giá là sự giải thích có tính chất tổng kết các dữ liệu có được từ các bài kiểm tra hay những công cụ đánh giá khác. Đánh giá là việc định ra giá trị của bản thân đối tượng được đánh giá trong mối tương quan với các đối tượng hay môi trường xung quanh.

Khái niệm đánh giá được sử dụng trong lĩnh vực giáo dục được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Theo C.E. Beeby, đánh giá là sự thu thập và lý giải một cách có hệ thống những bằng chứng dẫn tới sự phán xét về giá trị theo quan điểm hành động, khái niệm này nhấn mạnh vào khía cạnh giá trị, coi đánh giá là sự thu thập và lý giải một cách có hệ thống những bằng chứng dẫn tới sự phán xét về mặt giá trị. Theo R.Tyler, đánh giá thể hiện ở sự xem xét mức độ thích đáng giữa toàn bộ các thông tin với toàn bộ các tiêu chuẩn tương ứng với mục tiêu xác định, nhằm đưa ra một quyết. Theo Owen & Rogers, đánh giá là việc thu thập thông tin một cách hệ thống và đưa ra những nhận định dựa trên cơ sở các thông tin thu được. Như vậy, quan niệm về đánh giá được xem xét phù hợp với mục đích, đối tượng cụ thể cần đánh giá. Có thể hiểu đánh giá là sự thu thập thông tin một cách hệ thống về thực trạng của đối tượng được đánh giá, từ đó đưa ra những nhận định xác thực dựa trên cơ sở các thông tin thu được, làm cơ sở cho việc đề xuất những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Đánh giá là một quá trình bao gồm việc chuẩn bị cho đánh giá, thu thập, phân tích, xử lý các thông tin thu được, chuyển giao kết quả đến những người liên quan để có được những quyết định thích hợp. Sản phẩm của đánh giá là các thông tin và bằng chứng thu được trong quá trình đánh giá, các nhận định rút ra trên cơ sở các thông tin và bằng chứng thu được, các kết luận. Đánh giá trong giáo dục bao gồm việc trả lời các câu hỏi như: mục đích của đánh giá; những gì cần được đánh giá; ai đánh giá; những thủ tục của đánh giá; phương pháp nào được sử dụng; đánh giá bằng những tiêu chuẩn nào.

Theo quan điểm của Yoloye (1998), hiểu về quá trình đưa ra quyết định đánh giá là rất cần thiết đối với giáo dục đại học. Bất luận một người sử dụng định nghĩa về đánh giá như thế nào, song chắc chắn quá trình đánh giá phải có 3 yếu tố cấu thành sau đây:

- Một thực thể được đánh giá có thể là một sản phẩm, một quá trình hoặc một sự hoàn thiện.
- Phép đo về một thực thể hướng tới một kết quả bằng điểm số, bằng cấp độ hay các thể hiện về mặt lượng khác.
- Đánh giá định lượng bằng cách gán vào đó một giá trị. Giá trị có thể cho ở các dạng khác

nhau như đạt/trượt hoặc loại 1/loại 2/loại 3 đạt/trượt.

Sự đánh giá khác nhau về bản chất của nó, tùy theo nó đánh giá về mặt số lượng hay chất lượng. Trong lĩnh vực giáo dục, sự đánh giá thường mang bản chất định lượng. Việc cho điểm (bằng con số) và xếp loại theo thứ tự (A,B,C,D) được dùng để đo kết quả bằng điểm số của sinh viên. Phương pháp này được xếp vào loại đánh giá định lượng. Ví dụ, đánh giá hiệu quả bên trong về mặt định lượng của một năm học có thể dựa trên:

- tỷ lệ giữa số người lấy được bằng tốt nghiệp và số người học đã đăng kí.
- tỷ lệ giữa số sinh viên bị lưu ban và tổng số vào trường.
- Sự đánh giá cũng có thể là về mặt chất lượng. Chẳng hạn, hiệu quả bên trong của một năm học có thể được đánh giá một cách định tính thông qua:
- so sánh kỹ năng của sinh viên đạt được cuối năm học với kỹ năng của sinh viên ở đầu năm học.
- so sánh những kỹ năng đạt được với những kỹ năng đề ra trong mục tiêu.

1.2. Mục đích của KTĐG trong dạy học

Bất kể hoạt động đánh giá nào cũng hướng vào mục đích nhất định, đánh giá có nhiều mục đích khác nhau. Đánh giá nhằm xác định mức độ đạt được các mục tiêu giáo dục, đánh giá cuối cùng sẽ đi đến xác nhận kết quả của nó, đánh giá chứng thực cho khả năng của con người trong các lĩnh vực hoạt động xã hội, cũng như chất lượng của một tổ chức đảm bảo cho sự phát triển giáo dục. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu tốt hơn cần phải điều chỉnh hành động, từ đó cho phép can thiệp kịp thời và làm cho hành động thành công hơn. Đánh giá để giúp các cơ sở giáo dục luôn được giải trình với xã hội, với các cơ quan có thẩm quyền, với các bậc phụ huynh về việc cơ sở giáo dục thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của trường và kết quả đạt được là hợp lý.

Đánh giá nhằm nâng cao chất lượng của tất cả các hoạt động giáo dục, chương trình giáo dục, sản phẩm giáo dục, đánh giá cần phải mang tính dự đoán, chi tiết, có tác dụng điều chỉnh, phát triển nâng cao. Đánh giá cung cấp những thông tin để chỉ đạo kịp thời các hoạt động ở một đơn vị giáo dục, giúp cho việc điều chỉnh thường xuyên các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục.

Đánh giá làm cơ sở cho các cấp quản lý có những quyết định cụ thể như: quyết định về đội ngũ cán bộ để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ cán

bộ quản lý giáo dục, đội ngũ giáo viên; quyết định về quá trình giáo dục và đào tạo như vấn đề tiếp tục hay cần cải tiến phương pháp, nội dung, chương trình đào tạo .v.v ; quyết định đối với người học; những quyết định về nghiên cứu.

Nói chung, việc đánh giá bao hàm hai mục đích chính:

Đánh giá nhằm mục đích giải trình – thông thường tiến hành ở cuối một giai đoạn cụ thể nhằm mục đích thông qua sự xét đoán về qui mô của những cái đã đạt được so với những cái mong đợi. Việc này đôi khi dẫn đến giống như đánh giá hết môn. Tiếp theo là sự công nhận thành tích, ví dụ như cho lên lớp hoặc cho ở lại lớp, cấp cho một chứng chỉ hoặc không cấp chứng chỉ, hoặc cho thôi học.

Đánh giá nhằm hoàn thiện dạy và học – thông thường tiến hành ở nhiều giai đoạn khác nhau trong quá trình dạy và học nhằm xác định những điểm yếu và những điểm mạnh có thể ảnh hưởng đến thành công hay thất bại ở cuối khoá học. Đôi khi việc này còn được gọi là đánh giá thường xuyên (hình thành) và tiếp theo đó thường là ý kiến nhận xét của giảng viên đối với từng sinh viên cụ thể để giúp họ khắc phục thiếu sót trong các học, thi và gia tăng cơ hội thành công khi kết thúc khoá học. Về mặt này, sự đánh giá thường xuyên có thể coi là đánh giá chẩn đoán.

1.3. Phương pháp và công cụ đánh giá trong dạy học

1.3.1. Phương pháp đánh giá

Tuỳ thuộc vào mục tiêu nhằm tới, đánh giá có thể được tiến hành dựa trên các phương pháp khác nhau. Phương pháp đánh giá có thể mang tính chất:

- chẩn đoán
- chuẩn hoá
- dựa theo tiêu chí

Đánh giá mang tính chẩn đoán khi nó nhằm vào việc đánh giá những đặc điểm riêng của người học trong mối liên quan đến những yêu cầu của các môn học hoặc của chương trình. Bởi vậy, mục đích của đánh giá chẩn đoán là để xác định những tính chất khác nhau của vấn đề đã đặt ra và thông qua đánh giá những tính chất đó có thể xác định được những kết quả kỳ vọng.

Đánh giá *chẩn đoán* có thể được tiến hành ở đầu một khoá học mới hoặc một chương trình mới. Trong trường hợp đó, mục đích của nó là xác định xem người học có được những kỹ năng yêu cầu của đầu vào khoá học hay không. Đánh giá chẩn đoán

cũng có thể thực hiện ở giữa hoặc cuối một khoá học riêng biệt.

Đánh giá được gọi là *chuẩn hoá* khi nó so sánh thành tích học tập của một sinh viên với thành tích của những sinh viên khác cùng cấp hoặc cùng lớp dùng làm nhóm tham chiếu.

Việc lập danh sách sinh viên dựa trên thành tích liên quan đến sự đánh giá chuẩn hoá như vậy.

Đánh giá *căn cứ theo tiêu chí* khi việc này nhằm đánh giá trình độ học tập của một sinh viên dựa theo những tiêu chí kết quả được định nghĩa một cách tường minh hoặc không tường minh (implicitly) theo các mục đích. Nó không bao hàm việc so sánh mức độ hoàn thành (hoàn hảo) của một sinh viên này với mức độ hoàn thành của những sinh viên khác. Nó nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu và mục đích của môn học.

1.3.1.1. Phương pháp kiểm tra viết dạng tự luận

Phương pháp kiểm tra viết bài tự luận là phương pháp sử dụng hình thức bài viết tự luận để thu thập thông tin phản hồi nhằm đánh giá năng lực của người học, chúng đòi hỏi sử dụng nhận xét, phán xét và diễn giải của người chấm trong việc cho điểm, gồm các loại câu hỏi kiểm tra trả lời mở rộng hay có cấu trúc.

Loại bài tự luận có ưu điểm sau :

- Khả năng lập luận, sắp đặt hay phác họa;
- Khả năng thẩm định, bình luận
- Khả năng chọn lựa các kiến thức, ý tưởng quan trọng và tìm mối quan hệ giữa các kiến thức ý tưởng ấy;
- Khả năng thể hiện hay diễn đạt các ý tưởng sáng tạo.

Loại câu hỏi luận có thể dùng KTĐG các mục tiêu liên quan đến thái độ, sự hiểu biết, những ý niệm, sở thích, và tài diễn đạt tư tưởng.

Phương pháp kiểm tra viết bằng tự luận có các hạn chế sau :

- Không có khả năng đo lường tri thức về sự kiện hoặc kỹ năng hành động một cách hữu hiệu.

- Các câu trả lời thường dài, tốn thời gian trình bày, diễn đạt bằng văn viết. Học sinh dễ quay cóp và có thể khéo léo tránh đề cập những điểm không hiểu rõ.

- Việc chấm điểm thường mất nhiều thời gian. Kết quả phụ thuộc vào người chấm

Yêu cầu đối với phương pháp kiểm tra viết dạng bài tự luận:

- Câu hỏi kiểm tra cần được diễn đạt một cách rõ ràng, chú ý đến cấu trúc về ngữ pháp. Từ ngữ lựa chọn phải chính xác

- Cần xác định được thời gian cần cho việc trả lời câu hỏi, đối với những câu trả lời giới hạn, có thể dễ ước lượng thời gian trả lời cho mỗi câu, còn đối với những câu trả lời mở rộng, khó hơn trong việc ước lượng thời gian cần thiết, do đó câu hỏi cần đảm bảo cho học sinh viết chậm cũng có thể hoàn thành được bài viết.

- Một trong những cách có thể cải tiến câu tự luận để nâng cao độ tin cậy là tăng số câu hỏi trong bài kiểm tra, giảm độ dài ở phần trả lời của mỗi câu, những câu quá dài và tổng quát có thể phân ra làm nhiều câu hỏi ngắn, có giới hạn độ dài của mỗi câu.

- Khi tổ chức cho sinh viên làm bài cần phải có những biện pháp để tránh được các yếu tố gây nhiễu từ bên ngoài. (tiếng ồn, ánh sáng và các yếu tố gây nhiễu khác).

- Cần xác định thang điểm một cách chuẩn xác và chi tiết, trong đó đưa ra những câu trả lời có thể chấp nhận được và trọng số cho từng câu trả lời. Cần phải có một bảng hướng dẫn nêu rõ những khái niệm, những ý tưởng, những lập luận, khối lượng dài ngắn và một số vấn đề khác tạo nên một bài trả lời chấp nhận được. Mặt khác, cần có dự kiến đưa ra một số vấn đề có thể xuất hiện trong bài làm, để có cách xử lý và cho điểm.

1.3.1.2. Phương pháp trắc nghiệm khách quan

Một bài trắc nghiệm khách quan thường bao gồm nhiều câu hỏi, mỗi câu thường được trả lời bằng một dấu hiệu đơn giản, hay một từ, một cụm từ, do đó có nhiều câu hỏi trong một bài trắc nghiệm.

Trong lĩnh vực giáo dục có nhiều cách phân loại trắc nghiệm, mỗi cách phân loại đều dựa trên những cơ sở nhất định. Theo dạng thức của bài trắc nghiệm có trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận.

** Các loại câu trắc nghiệm khách quan*

Câu nhiều lựa chọn

Là loại câu thông dụng nhất, loại câu này bao gồm hai phần là phần câu dẫn và phần lựa chọn. Phần câu dẫn là một câu hỏi hay một câu bỏ lửng (câu chưa hoàn tất) tạo cơ sở cho sự lựa chọn. Phần lựa chọn gồm nhiều phương án trả lời. Người trả lời sẽ chọn

một phương án trả lời duy nhất đúng hoặc đúng nhất, hoặc không có liên quan gì nhất trong số các phương án cho trước. Những phương án còn lại là phương án nhiễu.

Loại câu đúng - sai

Câu trắc nghiệm loại này thường bao gồm một câu phát biểu để phán đoán và đi đến quyết định là đúng hay sai. Loại câu này là dễ soạn đối với giáo viên và được tiến hành nhanh chóng đối với học sinh.

Câu trả lời ngắn

Câu trả lời ngắn được trình bày dưới hình thức một câu hỏi và được trả lời bằng một, hay một cụm từ .

Câu điền vào chỗ trống

Được trình bày dưới hình thức một câu phát biểu chưa đầy đủ Nếu như cho trước một số phương án lựa chọn để điền vào chỗ trống thì nó cũng gần giống như câu nhiều lựa chọn, câu điền vào chỗ trống cũng là một dạng của câu trả lời ngắn.

Câu ghép đôi

Loại câu ghép đôi thường bao gồm hai dãy thông tin gọi là các câu dẫn và các câu đáp. Hai dãy thông tin này có số câu không bằng nhau, một dãy là danh mục gồm các tên hay thuật ngữ và một dãy là danh mục gồm các định nghĩa, đặc điểm v.v... Nhiệm vụ của người làm bài là ghép chúng lại một cách thích hợp.

Mỗi loại câu ở trên đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định, trong quá trình kiểm tra, đánh giá cần xem xét chúng trong hoàn cảnh cụ thể để lựa chọn và sử dụng cho phù hợp với các mục tiêu đo lường và đánh giá.

Sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan trong đánh giá người học có khả năng đo được các mức độ của nhận thức (biết, hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Một trong những ưu điểm nổi bật của phương pháp trắc nghiệm khách quan là điểm số có độ tin cậy cao. Bài trắc nghiệm bao quát được phạm vi kiến thức rộng nên đại diện được cho nội dung cần đánh giá.

Tuy nhiên phương pháp trắc nghiệm khách quan cũng có một vài hạn chế, dùng bài trắc nghiệm khách quan sẽ khó khăn trong việc đo lường khả năng diễn đạt, sắp xếp, trình bày và đưa ra ý tưởng mới.

Quá trình chuẩn bị câu hỏi trắc nghiệm là khó khăn và mất nhiều thời gian, đồng thời việc tiến hành xây dựng câu hỏi cần tuân theo những bước chặt chẽ hơn so với câu tự luận.

** Yêu cầu khi sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan*

Lựa chọn phương pháp trắc nghiệm khách quan cần căn cứ vào mục đích đánh giá, đối tượng đánh giá và các điều kiện cụ thể, cũng như khả năng mà trắc nghiệm có thể đo lường và đánh giá được các mục tiêu đã xác định.

Có một hệ thống ngân hàng câu trắc nghiệm đảm bảo được yêu cầu về các chỉ số của câu trắc nghiệm. Không phải chỉ đối với trắc nghiệm tiêu chuẩn hoá được sử dụng trên phạm vi rộng, mà các trắc nghiệm do giáo viên soạn để đánh giá năng lực của người học trong một trường hay một lớp học cũng cần được xây dựng một cách cẩn thận. Hệ thống ngân hàng câu trắc nghiệm cần được quản lý một cách khoa học.

Các câu trắc nghiệm khi thiết kế vào bài trắc nghiệm phải đại diện được cho nội dung cần đánh giá, sắp xếp câu trắc nghiệm theo từng chủ đề và từ dễ cho đến khó. Quá trình tiến hành trắc nghiệm cần được tiến hành cẩn thận

Hướng dẫn chu đáo về cách thức làm bài trắc nghiệm trước khi tiến hành làm trắc nghiệm. Đối với các kỳ thi triển khai trên một diện rộng, việc chấm điểm bài trắc nghiệm được thực hiện bằng máy chấm theo một qui trình chặt chẽ.

1.3.1.3. Phương pháp vấn đáp

Vấn đáp là một phương pháp kiểm tra - đánh giá sử dụng các câu hỏi trực tiếp (hỏi- đáp) để thu nhận các thông tin phản hồi về các đặc khả năng, thái độ, nhân thức... của người trả lời.

Ưu điểm :

- Cho thông tin phản hồi trực tiếp và nhanh chóng. Loại hình câu hỏi đa dạng và có khả năng sử dụng linh hoạt trong các tình huống khác nhau

- Vừa định tính vừa định lượng được cả kiến thức, kỹ năng và thái độ

- Có độ chính xác tương đối cao, có giá trị giáo dục nhiều mặt, bổ sung kiến thức, ít tốn thời gian

- Rèn luyện năng lực tư duy và khả năng phản ứng, lập luận diễn giải bằng lời tức thời của học sinh .

Nhược điểm:

- Thông tin trả lời mang nặng tính chất, suy nghĩ chủ quan của người trả lời
 - Dễ bị sai lệch bản chất.
 - Chịu ảnh hưởng của môi trường, ngoại cảnh và thái độ của người hỏi và tâm thế của người trả lời. Không hỏi được nhiều người trong một lúc.
 - Khó lưu giữ thông tin trả lời. Chỉ hỏi được từng khía cạnh của vấn đề
 - Tốn thời gian nếu số lượng học sinh đông

Yêu cầu khi sử dụng phương pháp vấn đáp

Câu hỏi phải chính xác, rõ ràng, sát với trình độ của người học, diễn đạt câu đúng ngữ pháp, gọn gàng sáng sủa, câu hỏi phải có tác dụng kích thích tích cực, độc lập tư duy. Nên có từ 2 người trở lên tham gia để đảm bảo tính khách quan

1.3.1.4. Phương pháp quan sát

Quan sát là một phương pháp kiểm tra -đánh giá sử dụng tri giác (trực tiếp hoặc gián tiếp) để thu nhận các thông tin phản hồi về các đặc điểm, tính chất, trạng thái. của các đối tượng cần đánh giá. Phương pháp này thường sử dụng để quan sát kỹ năng, sản phẩm, thái độ.

Ưu điểm của phương pháp này là :

- Cho thấy hình ảnh cụ thể của đối tượng cần đánh giá (hành vi, hoạt động, trạng thái..vv)
- Có thông tin trực tiếp , trung thực và nhanh chóng
- Có khả năng tìm hiểu được nhiều khía cạnh của đối tượng quan sát. Rất tốt cho kiểm tra thực hành
- Tuy nhiên quan sát có một số nhược điểm sau :
 - Thông tin phản hồi mang nặng tính chất định tính, bề ngoài, hình thức
 - khó thấy bản chất.
 - Chịu ảnh hưởng của môi trường, ngoại cảnh và thái độ của người quan sát
 - Khó quan sát khi đối tượng đông và có nhiều hoạt động phức tạp
 - Tốn thời gian khi cần đánh giá quá trình.

Yêu cầu khi sử dụng phương pháp này là

Để tiến hành quan sát, trước hết cần xác định được mục tiêu và hệ thống hành vi liên quan đến mục tiêu cũng như các mức độ của hành vi.

- Cần có kế hoạch trước cho việc quan sát, và phải chuẩn bị một danh mục cần quan sát cái gì, tức là phải định ra trước một loạt hành vi sẽ được quan sát, việc quyết định này giống như việc quyết định là nội dung gì sẽ được đưa vào bài. Cần phải dựa trên các mục tiêu sẽ đánh giá

- Khi quan sát chỉ nên tập trung vào một hoặc hai đặc điểm để cho các số liệu tin cậy hơn, bởi vì người quan sát khó tập trung vào nhiều đặc điểm cùng một lúc.

- Số lượng quan sát phải nhiều và thời gian quan sát diễn ra liên tục thì độ tin cậy của quan sát sẽ lớn hơn.

- Quan sát được tiến hành đồng thời với hoạt động và giảng dạy và giáo dục của giảng viên. tức là khi giảng viên lên kế hoạch giảng dạy và giáo dục thì đồng thời cũng có kế hoạch quan sát để hai yếu tố này có liên quan với nhau

- Quan sát cần mang tính lựa chọn, tức là nếu quan sát trong một tập thể mang tính bao quát, tuy nhiên cũng cần được tập trung tới một vài cá nhân đặc biệt, chẳng hạn như những học sinh chậm chạp hoặc tách biệt, khép kín, hoặc quá hiếu động, chúng cần có sự giúp đỡ đặc biệt.

- Nên ghi lại một cách cẩn thận và tóm tắt ngay sau khi nó xảy ra, tuy nhiên không nên đồng thời đưa ra những giải thích kết luận ngay về thái độ, điều này sẽ gây trở ngại đến tính khách quan trong quá trình thu thập thông tin quan sát.

- Có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật vào quá trình quan sát

1.3.2. Công cụ đánh giá

1.3.2.1. Một số công cụ đánh giá thông dụng

- Ghi chép, báo cáo: sử dụng trong suốt quá trình dạy học của học phần;
- Phiếu học tập: sử dụng trong các giờ dạy;
- Rubric: sử dụng trong giờ thực hành, làm việc nhóm (tham khảo Phụ lục 4);
- Phiếu tự đánh giá, theo dõi: sử dụng trong giờ thực hành, làm việc nhóm;
- Bài luận: sử dụng khi cần bình luận, đưa ý kiến cá nhân về lĩnh vực nào đó;
- Trắc nghiệm: sử dụng trong suốt quá trình dạy học của học phần;
- Phỏng vấn, trao đổi...: sử dụng trong suốt quá trình dạy học của học phần;
- Phiếu điều tra: sử dụng thời điểm đầu, giữa, cuối môn học;

1.3.2.2. Gợi ý triển khai đánh giá và cung cấp thông tin đánh giá

a. Triển khai đánh giá

- Giảng viên có thể phối hợp nhiều hình thức, phương pháp và công cụ khác nhau để thực hiện đánh giá quá, cụ thể:

Đánh giá cho điểm cá nhân/nhóm;

Đánh giá ghi nhận sự tiến bộ, kèm theo nhận xét cụ thể về người học (không cho điểm);

Đánh giá sử dụng kết quả tự đánh giá của người học/nhóm người học;

Đánh giá có sự tham gia trực tiếp của người học/nhóm/cả lớp;

- Có thể thực hiện nhiệm vụ này dưới nhiều hình thức khác nhau:

Tích hợp trong giờ dạy học;

Trong các giờ trả bài;

Trong các giờ hoạt động khác (trên lớp/ngoài lớp);

Trao đổi qua điện thoại, e-mail, hệ thống quản lý học tập,...

b. Cung cấp thông tin đánh giá

Việc cung cấp thông tin đánh giá theo tiến trình cần được thực hiện thường xuyên theo nguyên tắc:

- Kịp thời: càng sớm càng tốt;

- Chính xác: tập trung vào 1-2 vấn đề then chốt cần khắc phục, nhấn mạnh vào sự tiến bộ (khuyến khích) và các bước cần thực hiện tiếp theo;

- Đúng đối tượng: bám sát các mục tiêu (kiến thức, kỹ năng, thái độ) dạy học đã được xác lập và công bố trước cho người học ngay từ đầu học phần;

- Không hạn chế về thời điểm và số lần đánh giá;

- Vì sự tiến bộ: kết quả đánh giá cần tập trung vào sự tiến bộ của người học chứ không phải bản thân người học (không phải là "năng lực của em chỉ là trung bình", mà là "để đạt được mức giỏi em cần phải"...).

1.4. Những nguyên tắc cần đảm bảo khi thực hiện KTĐG trong dạy học

1.4.1. Nguyên tắc 1: Đánh giá thực chất là quá trình người đánh giá đưa ra nhận xét, phán quyết mang tính chuyên môn

Nguyên tắc này chỉ ra rằng cốt lõi của hoạt động đánh giá là những nhận xét, phán quyết mang tính chuyên môn của người đánh giá, vì vậy người đánh giá cần thấu hiểu và vận dụng tất cả những khía cạnh của đánh giá. Chúng ta có thể đo lường năng lực của người học bằng những công cụ dường như rất khách quan như một bài kiểm tra sử dụng các câu hỏi trắc nghiệm khách quan, sau đó sử dụng máy chấm điểm. Tuy nhiên, bài kiểm tra đó cũng do con người xây dựng nên, dựa trên những giả định và giá trị mà chúng ta đặt ra. Phán quyết chuyên môn có thể được đưa ra khi thiết kế bài kiểm tra, viết câu hỏi, chấm điểm bài tự luận, khi xây dựng rubric, khi tham gia chấm điểm, khi tính điểm tổng hợp, hoặc khi giải thích kết quả một bài trắc nghiệm chuẩn hóa; trong các công việc này, người tham gia đánh giá đều phải tự đưa ra những lý giải và quyết định của mình. Nắm vững nguyên tắc này, mỗi người dạy, nhà quản lý giáo dục sẽ nhận thức được tầm quan trọng của những nhận xét, phán quyết mà mình đưa ra, từ đó có thái độ đúng đắn mỗi khi tham gia vào hoạt động KTĐG.

1.4.2. Nguyên tắc 2: Đánh giá cần dựa trên hai thao tác độc lập nhưng lại liên quan đến nhau: đo lường và đánh giá

Chúng ta cần phân biệt sự khác nhau giữa hai thao tác: đo lường (đo những cấp độ khác nhau của một nét năng lực bằng cách mô tả hoặc gán cho một điểm số) và đánh giá (lý giải thông tin mô tả hoặc điểm số). Những kỹ năng thu thập thông tin đo lường cần thiết bao gồm khả năng hiểu và giải thích ý nghĩa của thủ tục thống kê mô tả, như sự biến thiên, mức tương quan, điểm phần trăm, điểm chuẩn... và những nguyên tắc tính toán kết hợp các đầu điểm để cho điểm phân loại. Người đánh giá không nhất thiết cần biết tính toán các phép thống kê này nhưng cần hiểu ý nghĩa của chúng để có thể diễn giải điểm mạnh, điểm yếu của người học, có thể xác định độ tin cậy và giá trị của đánh giá, có thể phân loại người học và đưa ra những quyết định khác trong quá trình dạy học. Người dạy cũng như các nhà quản lý giáo dục cần có những kỹ năng phân tích thông tin, minh chứng để có thể lý giải và đưa ra những phán quyết có giá trị dựa trên kết quả đánh giá.

1.4.3. Nguyên tắc 3: Mỗi quyết định liên quan đến KTĐG đều chịu tác động bởi nhiều vấn đề mà người đánh giá cần cân nhắc

Khi phải đưa ra những quyết định liên quan đến KTĐG, người dạy và nhà quản lý giáo dục đều phải cân nhắc lựa chọn nhiều vấn đề, đến từ mục đích của đánh giá, sử dụng phương pháp, công cụ đánh giá, kết quả đánh giá ... Chẳng hạn, để giảng dạy tốt, người dạy cần có các hoạt động KTĐG góp phần tạo động lực và lôi cuốn người học

tham gia theo cách thức vừa phù hợp và nhất quán với triết lý giảng dạy, vừa nhất quán với các triết lý về sự phát triển, về hoạt động học tập và động lực của người học. Phần lớn người dạy muốn sử dụng các công cụ đánh giá với các câu hỏi có câu trả lời có cấu trúc vì họ tin rằng loại hình câu hỏi này là công cụ tốt nhất giúp họ nắm rõ khả năng của người học. Mặt khác, những yếu tố bên ngoài lớp học, chẳng hạn những kỳ thi trên diện rộng, lại buộc họ phải sử dụng những kỹ thuật đánh giá khác như sử dụng các loại hình câu trắc nghiệm khác quan, hay cho người học rèn luyện các kỹ năng làm bài thi trắc nghiệm khách quan. Một số áp lực khác có thể kể đến như:

- Dạy học vì người học hay vì trách nhiệm giải trình
- Đánh giá tiến trình hay đánh giá tổng kết
- Đánh giá tham chiếu tiêu chí hay tham chiếu nhóm chuẩn
- Đánh giá dựa trên giá trị gia tăng hay dựa trên thang đo tuyệt đối
- Đánh giá truyền thống hay đổi mới
- Đánh giá trực tiếp hay gián tiếp
- Sử dụng kiểu ra đề giới hạn thời gian làm bài hay không giới hạn thời gian làm bài
- Sử dụng đề chuẩn hóa hay thiết kế đề phù hợp lớp học

Những vấn đề cần cân nhắc trên đây cho thấy người dạy chỉ có thể đưa ra quyết định phù hợp nhất khi thấy hiểu mỗi yếu tố ảnh hưởng đến bản chất của đánh giá như thế nào. Khi đã có sự thấu hiểu về các lựa chọn, người dạy cần quyết định lựa chọn ưu tiên và chuyên được – mất là không thể tránh khỏi. Chỉ khi nhận thức đầy đủ về những áp lực cần đổi mới, những vấn đề cần cân nhắc, người dạy và nhà quản lý giáo dục mới có thể đưa ra những quyết định liên quan đến đánh giá phù hợp nhất.

1.4.4. Nguyên tắc 4: KTĐG ảnh hưởng đến động lực và hoạt động học của người học

Grant Wiggins (1998) đã sử dụng thuật ngữ “đánh giá mang tính giáo dục” (educative assessment) khi miêu tả những kỹ thuật và vấn đề mà mỗi nhà giáo dục cần xem xét khi thiết kế và sử dụng các hoạt động đánh giá. Thông điệp mà ông muốn gửi đến đó là bản chất của hoạt động đánh giá có ảnh hưởng đến những gì mà người học đạt được và mức độ tham gia của người học vào quá trình học tập. Nếu các bài kiểm tra được thiết kế dựa trên vấn đề thì liệu người học có tham gia tích cực hơn vào quá trình học tập hay không? Nếu người học được thông báo là bài thi sẽ sử dụng câu trắc nghiệm nhiều

lực chọn thì phương pháp học tập của chúng sẽ như thế nào? Bản chất của phản hồi là gì, khi nào thì nên phản hồi cho người học? Một hoạt động của đánh giá sẽ ảnh hưởng đến sự cố gắng học tập của người học như thế nào? Trả lời được câu hỏi như thế này sẽ giúp các nhà giáo dục hiểu rằng KTĐG có ảnh hưởng mạnh mẽ đến động lực và quá trình học tập của người học.

1.4.5. Nguyên tắc 5: KTĐG có chất lượng sẽ góp phần làm tăng chất lượng giảng dạy

Không chỉ ảnh hưởng đến động lực học tập của người học, KTĐG còn ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy trên lớp học của người dạy. Nhiều nhà nghiên cứu gần đây đã đề cao hoạt động đánh giá như một cấu phần cần được tích hợp vào hoạt động giảng dạy chứ không đơn giản chỉ là hoạt động KTĐG học tập của người học. Khi tích hợp được quá trình KTĐG vào quá trình giảng dạy, KTĐG sẽ cung cấp thông tin để người dạy biết hoạt động và nhiệm vụ nào hữu ích nhất, giảng dạy như thế nào là phù hợp nhất, và KTĐG tổng kết sẽ cung cấp thông tin chẩn đoán như thế nào. Chẳng hạn, trong khi triển khai các hoạt động dạy học, đánh giá quá trình giúp người dạy biết khi nào thì nên chuyển sang nội dung giảng dạy kế tiếp, khi nào thì cần hỏi thêm vài câu hỏi, khi nào thì nên đưa thêm vài ví dụ minh họa, trả lời câu hỏi của người học thế nào là phù hợp nhất. Ngay cả điểm số bài thi chuẩn hóa, khi được sử dụng phù hợp, cũng giúp người dạy nắm được điểm mạnh, điểm yếu của người học, từ đó điều chỉnh mục tiêu dạy học trong những bài kế tiếp.

1.4.6. Nguyên tắc 6: Hoạt động đánh giá cần đảm bảo tính giá trị

Tính giá trị là một khái niệm cần được hiểu đầy đủ và thấu đáo. Cũng như độ tin cậy, chúng ta có các vấn đề kỹ thuật và thuật ngữ gắn liền với tính giá trị mà mỗi nhà giáo dục cần nắm được để có thể giải thích kết quả KTĐG một cách phù hợp và chặt chẽ. Một khái niệm đặc biệt quan trọng liên quan đến tính giá trị, gần đây rất được quan tâm, đó là kết quả tác động mà đánh giá mang lại. Khi thiết kế và sử dụng đánh giá cần quan tâm xem xét cả những tác động mong đợi và không mong đợi mà hoạt động đánh giá có thể mang lại, có minh chứng chứng minh cho mỗi luận điểm mà chúng ta đưa ra. Một việc cũng không kém phần quan trọng, đó là người dạy và nhà quản lý giáo dục cần hiểu rõ vai trò của mình trong việc thu thập và giải thích minh chứng chứng minh cho tính giá trị của hoạt động đánh giá.

1.4.7. Nguyên tắc 7: Hoạt động đánh giá cần đảm bảo tính công bằng và nhân văn

Theo Tiêu chuẩn chất lượng khảo thí trong tâm lý và giáo dục Hoa Kỳ, sự công bằng trong đánh giá được hiểu là không có thiên kiến trong đánh giá, mọi thí sinh được đối xử công bằng trong đánh giá, công bằng về cơ hội học tập và công bằng khi xem xét kết quả đầu ra. Bên cạnh đó, những vấn đề sau cũng cần quan tâm để đảm bảo sự công bằng trong đánh giá:

Người học cần được cung cấp thông tin về mục tiêu học tập và hoạt động KTĐG trước khi bắt đầu môn học (ví dụ: nội dung nào sẽ được đánh giá, mỗi nội dung sẽ được đánh giá như thế nào, tiêu chí chấm điểm là gì, một số bài làm mẫu nếu phù hợp...).

Kiến thức và kỹ năng của người học, bao gồm cả kỹ năng làm bài thi.

Tránh sự đơn điệu, một chiều.

1.4.8. Nguyên tắc 8: Sử dụng kết hợp nhiều phương pháp khi tiến hành KTĐG

Để một hoạt động đánh giá thật sự công bằng, mang lại kết quả có giá trị mà mắc ít lỗi sai, chúng ta cần thực hiện nhiều phép đo khác nhau, sử dụng đa dạng các phương pháp để mô tả chính xác nhất năng lực của người học. Muốn có một bức tranh toàn cảnh về kiến thức và kỹ năng của người học, chúng ta cần ghép nhiều mảnh ghép lại, trong đó mỗi mảnh ghép có thể sử dụng phương pháp đánh giá rất khác nhau. Chúng ta sẽ dễ dàng mắc sai lầm khi đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến người học mà chỉ dựa trên điểm số một bài thi. Những nhà giáo dục cần có kiến thức và kỹ năng sử dụng nhiều kỹ thuật và phương pháp đánh giá khác nhau và phải nhận thức rõ rằng mỗi phương pháp, kỹ thuật đều có những hạn chế nhất định.

1.4.9. Nguyên tắc 9: Mỗi hoạt động đánh giá cần được tính toán về tính hiệu quả và khả thi

Dù là người dạy hay làm công tác quản lý, chúng ta đều rất hạn chế về thời gian và nguồn lực, vì vậy, cần cân nhắc tính hiệu quả của mỗi phương pháp đánh giá mà chúng ta lựa chọn, đảm bảo cân bằng giữa nhu cầu sử dụng nhằm mang lại kết quả đánh giá chính xác và đầy đủ nhất và thời gian mà chúng ta có thể xây dựng và triển khai đánh giá, sau đó là chấm điểm. Bên cạnh đó, không thể không cân nhắc kiến thức và kỹ năng của người dạy về KTĐG, mức độ cho phép sử dụng các nguồn lực.

1.4.10. Nguyên tắc 10: Cần khai thác sử dụng công nghệ một cách hợp lý trong đánh giá

Ngày nay, khi công nghệ ngày càng phát triển và người dạy ngày càng sử dụng thành thạo công nghệ trong dạy học cũng như trong đời sống thì cơ hội để chúng ta sử

dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào hoạt động KTĐG ngày càng nhiều. Đó có thể là việc xây dựng và quản lý các ngân hàng câu hỏi, chấm điểm bằng máy tính, thi trên máy tính, xây dựng các bài mô phỏng trên máy tính, sử dụng các nguồn lực từ Internet, hoặc phức tạp hơn, đó là báo cáo kết quả đánh giá chi tiết với sự trợ giúp của máy tính. Tuy nhiên, việc sử dụng thiếu kiểm soát có thể dẫn đến một số hiểm họa như sử dụng câu hỏi tham khảo trên Internet, và thiếu thông tin minh chứng về độ tin cậy, tính giá trị hay sự công bằng của các câu hỏi; hoặc sử dụng một số phần mềm tính toán kết quả đánh giá mà thiếu kiến thức thống kê cơ bản, bỏ qua những yếu tố quan trọng như trọng số, sai số, giá trị trung bình..., dẫn tới kết quả tính toán được thiếu tin cậy.

Tóm lại, để đảm bảo chất lượng các hoạt động KTĐG, mỗi người dạy cũng như nhà quản lý giáo dục cần có hiểu biết về các nguyên tắc đánh giá, tầm quan trọng của chúng đối với việc thúc đẩy học tập và hiệu quả giảng dạy của người dạy. Để đạt được điều này, người dạy và nhà quản lý giáo dục cần có kiến thức về các khái niệm cơ bản, các phương pháp và quy trình đánh giá, không chỉ đối với đánh giá trong lớp học mà cả với các kỳ đánh giá trên diện rộng, và có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản này vào quá trình dạy học.

Phần 2: Thực trạng về công tác kiểm tra đánh giá tại Trường Đại học Vinh

2.1. Bối cảnh chung

Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI đã chỉ rõ những hạn chế của giáo dục đại học hiện nay, đó là: “Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc. Chương trình giáo dục, phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất”.

Có thể thấy rằng, phương pháp KTĐG là một trong những vấn đề quan trọng ảnh hưởng lớn đến chất lượng giảng dạy và học tập; kiểm tra và đánh giá là một hoạt động gắn bó hữu cơ, không thể tách rời với quá trình giảng dạy và học tập. Thông qua kiểm tra, đánh giá người thầy có thể thu thập được những thông tin cần thiết để điều chỉnh nội dung và phương pháp giảng dạy, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Có thể nói kiểm tra, đánh giá là thước đo và là động lực để thúc đẩy quá trình đổi mới công tác giảng dạy và học tập.

Để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khắc phục những hạn chế, yếu kém, Nghị quyết 29-NQ/TW đã đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp, trong đó khẳng định: *“Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội”* là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

Thực hiện quan điểm chỉ đạo trên, trong những năm học vừa qua, Trường Đại học Vinh đã tích cực, chủ động trong việc đổi mới nội dung, chương trình, phương thức đào tạo và phương thức KTĐG nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục. Nhà trường coi công tác KTĐG của người học là một khâu quan trọng trong đổi mới đào tạo, là hoạt động chủ yếu tác động đến đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp học tập của sinh.

2.2. Mục tiêu, nội dung và phương pháp KTĐG

2.2.1. Xác định mục tiêu, nội dung KTĐG

Trong đào tạo đại học tại Trường Đại học Vinh hiện nay, các ngành đào tạo đã xác định rõ mục tiêu đào tạo. Tuy nhiên, công tác KTĐG giai đoạn 2015-2017 vẫn đang còn tập trung vào mục tiêu kiến thức, ít chú trọng mục tiêu kỹ năng và thái độ của người học. Nguyên nhân của tình trạng này có thể do việc xác định mục tiêu KTĐG không rõ ràng, chưa bám sát vào mục đích đào tạo nhân lực. Việc KTĐG thường chỉ đòi hỏi sinh viên tái hiện lại những kiến thức hoặc một vài kỹ năng đã được học, hiếm khi yêu cầu sinh viên vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống trong thế giới việc làm. Do đó, khi tốt nghiệp và đối mặt với các tình huống thực tế thì sinh viên khó có khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết. Đây chính là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng đào tạo không đáp ứng yêu cầu xã hội, dẫn đến các đơn vị sử dụng lao động phải đào tạo lại.

Nội dung KTĐG hiện nay ở hầu hết các học phần ở các ngành đào tạo đã được phản ánh tương đối đầy đủ qua ngân hàng câu hỏi thi. Theo thang cấp độ tư duy của Benjamin Bloom, KTĐG của sinh viên hiện nay đánh giá được trình độ tư duy ở các mức: Biết, Hiểu, Vận dụng, Phân tích, Đánh giá, Sáng tạo.

2.2.2. Phương pháp KTĐG

Giai đoạn 2015-2017, Nhà trường chủ yếu áp dụng hình thức KTĐG truyền thống, đó là tổ chức kiểm tra thường xuyên và kiểm tra kết thúc học phần môn học thông qua hình thức thi viết, trắc nghiệm hoặc thi vấn đáp, thực hành.

Việc KTĐG của các môn học bao gồm các điểm thành phần như: Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi cuối kỳ. Bên cạnh đó, phương pháp KTĐG chủ yếu là làm bài trên giấy với các hình thức phổ biến là: tự luận, trắc nghiệm hoặc thực hành, vấn đáp. Các hình thức này chủ yếu là kiểm tra khả năng nắm vững kiến thức đã học để giải một số bài tập, giải thích một số hiện tượng liên quan hay thực hiện một số thao tác đã được học. Điều này dẫn đến một thực trạng là có nhiều sinh viên học khá, giỏi nhưng khi tốt nghiệp lại thiếu khả năng làm việc, vì trong trường học, sinh viên chỉ cần chăm chỉ học bài là đã có thể đạt điểm cao. Những năng lực cần thiết cho đời sống nghề nghiệp và thực tế cuộc sống sau khi tốt nghiệp chưa được chú trọng, như: năng lực xử lý tình huống, trình bày một vấn đề trước đám đông, làm việc hợp tác, độc lập sáng tạo...

Mặt khác, bởi hình thức và phương pháp KTĐG chủ yếu là theo truyền thống nên nội dung KTĐG vẫn còn mang tính áp đặt, giảm khả năng sáng tạo và chưa chú trọng sự khác biệt. Hiện nay, Nhà trường đang áp dụng nhiều hình thức KTĐG mang tính độc lập, sáng tạo cao của sinh viên như hình thức tìm hiểu thực tế rồi làm báo cáo, thuyết trình theo nhóm...

2.3. Các quy định về công tác KTĐG

Có thể nói Nhà trường đã rất quan tâm đến công tác KTĐG của người học trong thời gian qua. Trong khoảng thời gian từ 2010 – 2015 có gần 10 văn bản chỉ đạo điều hành của Nhà trường phục vụ cho đổi mới công tác KTĐG (Quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 868/QĐ-ĐHV năm 2013; Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 991/QĐ-ĐHV năm 2014; Hướng dẫn ra đề thi kết thúc học phần năm 2014), đặc biệt các quy định về KTĐG đã được Nhà trường quan tâm xây dựng và hiệu chỉnh qua thời gian để dần phù hợp với thực tiễn tổ chức đào tạo của Nhà trường thời gian qua (như quy định về điều chỉnh thang điểm chữ, trọng số điểm chuyên cần, giữa kỳ,...).

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý KTĐG được Nhà trường quan tâm và chỉ đạo quyết liệt trong thời gian qua, đã đem lại một số kết quả tích cực, đảm bảo cho công tác KTĐG được thực hiện nhanh chóng, thuận lợi, kết quả KTĐG khách quan, chính xác. Tuy nhiên, việc ứng dụng CNTT trong quản lý KTĐG đến nay vẫn còn chưa được triển khai đồng bộ ở các bậc đào tạo, các loại hình đào tạo, điều này dẫn tới một số khó khăn, hạn chế trong xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch KTĐG.

2.4. Đổi mới công tác KTĐG theo tiếp cận năng lực

Hiện nay, Trường Đại học Vinh đang tiến hành đổi mới công tác KTĐG các học phần theo hướng chú trọng việc đánh giá quá trình qua các bài kiểm tra thường xuyên, bài tập ... để có thể cung cấp cho người học thông tin phản hồi về quá trình học tập, giúp người học tiến bộ bằng cách chỉ ra những gì cần làm để cải thiện kết quả học tập, sửa chữa được các lỗi có thể gặp.

Để thực hiện có hiệu quả hoạt động đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo hướng tiếp cận năng lực, Nhà trường cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp sau đây:

2.4.1. Đổi mới môi trường KTĐG góp phần xây dựng văn hóa chất lượng trong Nhà trường

Nâng cao nhận thức về công tác KTĐG đối với các đối tượng liên quan. Nâng cao nhận thức góp phần tạo đồng thuận trong quản lý chất lượng KTĐG (quán triệt các quy định, làm cho thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của những quy định bắt buộc phải

thực hiện; động viên, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, làm rõ chính sách khen thưởng, kỷ luật trong công tác KTĐG).

Đầu tư hợp lý cho công tác KTĐG: trên nguyên tắc thù lao tính theo hiệu quả công việc, Nhà trường cần xây dựng chính sách khuyến khích, bồi dưỡng cho cán bộ, giảng viên làm công tác KTĐG; tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ KTĐG, đặc biệt là tăng cường năng lực hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác KTĐG.

Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ tham gia công tác KTĐG: Trang bị, cập nhật kiến thức, kỹ năng và sự hiểu biết về KTĐG cho cán bộ quản lý, giảng viên tham gia vào quá trình KTĐG phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được phân công và đảm bảo họ có đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra công tác KTĐG (tập trung kiểm tra, giám sát hàm lượng chuyên môn trong KTĐG)

2.4.2. Tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh quy định về công tác KTĐG

Tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên và xã hội tham gia quá trình đánh giá, đồng thời tạo hành lang pháp lý và cơ sở để đánh giá, thẩm định hiệu quả của các khâu liên quan đến quá trình đào tạo.

Đảm bảo KTĐG đạt được các nguyên tắc đề ra, hạn chế tiêu cực, tăng cường công tác hậu kiểm; khuyến khích nhưng ràng buộc các bên liên quan quan tâm đến công tác KTĐG, tăng cường phát huy tính tự chủ, sáng tạo và nỗ lực, làm cho việc triển khai hoạt động KTĐG được thông suốt, đạt chất lượng cao.

KTĐG phải dựa vào các bằng chứng được thu thập từ nhiều hoạt động khác nhau, các phương pháp đánh giá rất đa dạng như kiểm tra tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, thực hành.v.v. Các phương pháp phải được lựa chọn, sử dụng phù hợp với mục tiêu dạy học và tuân thủ những nguyên tắc nhất định, nó phải là bộ phận không thể thiếu của quá trình dạy học. Các định hướng chính đối với việc xây dựng các quy định và hướng dẫn trong công tác KTĐG bao gồm:

- Chuyển dần trọng tâm từ việc đánh giá kết quả cuối cùng sang đánh giá cả quá trình, đảm bảo cho việc đánh giá toàn diện hơn, đầy đủ hơn nội dung môn học, giúp họ có nhiều cơ hội hơn để thể hiện mình và giảm bớt sức ép từ việc KTĐG;

- Từ đánh giá các kỹ năng riêng lẻ, các sự kiện sang các kỹ năng tổng hợp, không phải chỉ là đánh giá khả năng nhớ và hiểu mà còn đánh giá khả năng hiểu sâu, lập luận, đánh giá kỹ năng vận dụng kiến thức, nhấn mạnh đến kỹ năng tư duy, làm việc nhóm

- Từ đánh giá dựa trên ít thông tin sang đánh giá dựa trên nhiều thông tin đa dạng, người học tự đánh giá và đánh giá từ các chủ thể khác nhau;

- Chuyển từ xem xét đánh giá như là một hoạt động độc lập với quá trình dạy học sang là một bộ phận tích hợp của quá trình dạy học, chúng được tiến hành liên tục trong quá trình giảng dạy nhằm giúp cho giảng viên có những quyết định phù hợp trong các thời điểm giảng dạy, giúp sinh viên tích cực hơn trong học tập;

- KTĐG chuyển từ việc giữ kín tiêu chuẩn, tiêu chí sang công khai các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá;

2.4.3. Cải tiến công tác ra đề thi

KTĐG theo tiếp cận năng lực được xem là quá trình thu thập, chỉnh lí, xử lí thông tin một cách hệ thống những kết quả học tập ở các giai đoạn khác nhau đối chiếu với mục tiêu dạy học ở từng giai đoạn và đối chiếu với chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT) để đánh giá sự tiến bộ của người học trong từng giai đoạn, đánh giá mức độ đạt CĐR của người học và cuối cùng là đánh giá chất lượng của quá trình đào tạo (với cách hiểu chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu).

Cần xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi đa dạng về hình thức, trình độ, phủ kín chương trình để áp dụng trong nhiều trường hợp khác nhau và để kiểm tra khả năng của sinh viên một cách đa dạng. Đặc biệt, đề KTĐG theo tiếp cận năng lực phải được giảng viên thiết lập thông qua ma trận mục tiêu, CĐR của môn học với các cấp độ (trình độ) năng lực đã được công bố tương ứng với từng modul kiến thức, kỹ năng được trình bày trong môn học.

Công tác ra đề thi, kiểm tra đòi hỏi phải có kỹ thuật, việc giảng viên nắm được kỹ thuật ra đề, sẽ giúp cho giảng viên đánh giá năng lực của sinh viên được chính xác hơn. Để thực hiện nhiệm vụ này nhà trường cần tăng cường bồi dưỡng cho giảng viên kỹ thuật ra các dạng đề thi phù hợp với lý thuyết KTĐG trong dạy học; tổ chức hội nghị mời chuyên gia về lĩnh vực đo lường và đánh giá trong giáo dục để hướng dẫn, tập huấn cho giảng viên các kỹ thuật thiết kế một đề thi, đề kiểm tra.

Nâng cao năng lực sử dụng các hình thức đánh giá: Mỗi hình thức đánh giá có những chức năng, ưu nhược điểm riêng. Vì vậy, cán bộ quản lý và giảng viên phải biết chọn lựa đúng hình thức vào từng học phần để đánh giá đúng năng lực của sinh viên

Cần xây dựng kế hoạch, chương trình và tài liệu bồi dưỡng cho giảng viên các chuyên đề đổi mới KTĐG theo tiếp cận năng lực, giúp cho giảng viên hiểu rõ những điểm mới trong KTĐG theo tiếp cận năng lực để sử dụng các phương pháp KTĐG khoa học và hợp lý.

Tăng cường dụng công nghệ thông tin trong KTĐG: Trong điều kiện hiện nay, với sự phát triển vượt bậc của khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, cho phép chúng ta có thể dễ dàng đổi mới cách thức ra đề kiểm tra, hình thức kiểm tra, đánh giá đối với người học theo hướng tổ chức thi theo hình trắc nghiệm đối với một số học phần, thiết kế những phần mềm kiểm tra theo hình thức trực tuyến tập trung nhằm tăng cường tính chính xác, khách quan của việc đánh giá kết quả tự học của người học. Những câu hỏi trắc nghiệm được lồng ghép ngay sau mỗi phần học; những phương án trả lời đủ lắt léo và đủ khó để khiến người học phải động não nhớ lại những gì vừa học. Như vậy, người học không chỉ đọc lướt rồi quên như trước đây mà một cách tự nhiên, họ được tạo cơ hội để củng cố kiến thức ngay khi bài học còn chưa kết thúc. Ngoài ra, với số lượng học sinh, sinh viên và học viên trên 40.000 người hiện nay của Nhà trường, việc sử dụng công nghệ thông tin trong KTĐG kết quả học tập của người học là hết sức cần thiết, điều này đòi hỏi Nhà trường cần có sự đầu tư hơn nữa về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cũng như nhân lực để đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Tóm lại: KTĐG là khâu quan trọng trong quá trình đào tạo. Đổi mới KTĐG theo hướng tiếp cận năng lực là một yêu cầu cấp thiết, là tiêu chuẩn ràng buộc khi thực hiện chương trình đào tạo theo tiếp cận năng lực, qua đó từng bước nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Việc đổi mới công tác KTĐG sẽ góp phần tác động tích cực tới việc dạy và học, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Phần 3: Xây dựng các quy định, quy trình và hướng dẫn về công tác kiểm tra đánh giá trong đào tạo theo tiếp cận năng lực tại Trường Đại học Vinh

3.1. Mục đích và yêu cầu đối với công tác kiểm tra đánh giá

- Cung cấp thông tin phản hồi thường xuyên và định kỳ để cải tiến chất lượng dạy học và phát triển chương trình đào tạo.

- Giúp người học thấy được sự tiến bộ trong quá trình học tập, giúp giảng viên điều chỉnh giảng dạy, giúp cải tiến chương trình đào tạo và đổi mới phương pháp dạy - học.

- Thực hiện hiệu quả quá trình đào tạo tiếp cận năng lực.

- Đảm bảo đánh giá được năng lực (gồm cả kiến thức và kỹ năng) của người học đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố.

- Đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng trong đánh giá kết quả của người học.

- Đảm bảo sự quản lý toàn diện, thống nhất của Nhà trường trong công tác đánh giá người học và tạo điều kiện cho các đơn vị, cá nhân liên quan chủ động thực hiện nhiệm vụ, đúng chức trách công việc được giao.

3.2. Các nguyên tắc đánh giá

- Dựa vào chuẩn đầu ra đã xác định, các mục tiêu, các tiêu chí cụ thể đã công bố.

- Dựa vào chứng cứ về kết quả của người học trong quá trình học tập, người đánh giá đưa ra các nhận xét chuyên môn đối với các kết quả của người học.

- Thực hiện liên tục, song song với quá trình dạy học, bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với việc dạy và học.

- Thiết kế dựa trên sự thu hút người học cùng tham gia đánh giá, khuyến khích tạo động lực học tập, nâng cao ý thức và niềm tin cho người học.

- Phản hồi kết quả đánh giá kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

3.3. Quy trình biên soạn ngân hàng câu hỏi

1. Trưởng Bộ môn căn cứ vào yêu cầu thực tế của việc cập nhật ngân hàng câu hỏi hoặc bộ tiêu chí đánh giá (sau đây chỉ gọi tắt là NHCH) để lập danh sách đăng ký biên soạn NHCH với Nhà trường qua Trưởng khoa/viện và giao cho cán bộ giảng dạy cập nhật câu hỏi cho từng học phần theo định kỳ.

2. Trưởng khoa/viện lập danh sách đăng ký biên soạn NHCH trong từng học kỳ và gửi về TT ĐBCL trước ngày 05/10 (đối với học kỳ 1) và 05/3 (đối với học kỳ 2) hàng năm.

3. Trưởng bộ môn phân công cán bộ xây dựng/cập nhật bản đặc tả NHCH và ma trận câu hỏi thi đáp ứng chuẩn đầu ra; phân công cán bộ biên soạn câu hỏi.

4. Cán bộ biên soạn câu hỏi căn cứ vào nội dung đã thống nhất soạn các câu hỏi kèm theo đáp án.

5. Cán bộ phản biện viết nhận xét, kiến nghị.

6. Cán bộ biên soạn và cán bộ phản biện trao đổi về các vấn đề chưa thống nhất. Cán bộ biên soạn tiến hành sửa chữa, hoàn chỉnh NHCH.

7. Trưởng bộ môn đề xuất phương án thử nghiệm NHCH để hoàn thiện trước khi đưa vào sử dụng chính thức.

8. Bộ môn phối hợp TTĐBCL tổ chức nghiệm thu NHCH. Thời gian tổ chức nghiệm thu trước 05/11 và 05/4 hàng năm.

9. Trưởng bộ môn tổ chức hoàn thiện sản phẩm theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu gửi về TT ĐBCL trước 15/11 và 15/4. Các sản phẩm bao gồm: bản đặc tả NHCH, ma trận câu hỏi thi và NHCH.

10. TT ĐBCL tiếp nhận, quản lý và sử dụng NHCH.

11. Trưởng bộ môn phối hợp với TTĐBCL thu thập dữ liệu và phân tích kết quả sau từng học kỳ để cải tiến chất lượng NHCH.

3.4. Quản lý NHCH

3.4.1. Trách nhiệm của Trưởng bộ môn

- Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm quản lý việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh và bổ sung ngân hàng câu hỏi (dạng file dữ liệu) cho tất cả các học phần do bộ môn mình quản lý.

- Trưởng bộ môn tập hợp và nạp các NHCH mới hoặc các nội dung điều chỉnh, bổ sung (dạng file dữ liệu) về TTĐBCL theo thời gian quy định tại khoản 9, điều 10 của Quy định này.

- Trưởng bộ môn lưu trữ hồ sơ biên soạn, điều chỉnh, bổ sung NHCH.

3.4.2. Trách nhiệm của TT ĐBCL

TT ĐBCL chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và bảo mật các ngân hàng đề thi.

3.5. Sử dụng NHCH

- TTĐBCL chịu trách nhiệm tổ hợp đề thi ngẫu nhiên theo bảng hướng dẫn tổ hợp đề thi do giảng viên biên soạn để phục vụ cho từng kỳ thi.
- Ban Giám đốc TTĐBCL chịu trách nhiệm kiểm tra, duyệt và bảo mật đề thi sau khi đã được tổ hợp.
- Ban Giám đốc TTĐBCL bàn giao đề thi đã duyệt cho cán bộ phụ trách nhân bản đóng gói đề thi.
- Cán bộ phụ trách nhân bản đóng gói đề thi chịu trách nhiệm niêm phong và bảo mật đề thi đã duyệt sau khi nhân bản, đóng gói và niêm phong các túi đề thi.
- TT ĐBCL tổ chức in sao, đóng gói, niêm phong và cất giữ đề thi an toàn, bàn giao cho đơn vị tổ chức thi trước giờ thi 30 phút; riêng các học phần tổ chức thi ở địa điểm ngoài cơ sở chính của Trường thì thời gian bàn giao theo thỏa thuận giữa TTĐBCL và đơn vị tổ chức thi.

3.6. Xây dựng và cải tiến các quy định và quy trình tổ chức thi

- Cải tiến quy trình tổ chức thi kết thúc học phần
- Xây dựng quy trình dồn túi, đánh phách và nhập điểm
- Xây dựng quy trình tổ chức thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính
- Xây dựng quy trình kiểm tra điểm
- Cải tiến quy trình tổ chức thi cho sinh viên học các học phần chuyên đổi
- Cải tiến quy trình tổ chức thi cho sinh viên vắng thi có lý do
- Xây dựng quy trình tổ hợp và nhân bản đề thi

3.7. Điều hành công tác coi thi

3.7.1. Trách nhiệm TTĐBCL

- Xếp lịch thi và thông báo lịch thi cho các khoa, viện và đơn vị liên quan để phối hợp tổ chức kỳ thi, đồng thời thông báo lịch thi trên website của trường và tài khoản cá nhân để sinh viên biết và thực hiện.
- Làm quyết định điều động cán bộ coi thi.

- Cử cán bộ chuyên trách trực thi để kiểm tra tình hình và giải quyết những vấn đề phát sinh trong các ca thi.

- Làm thủ tục thanh toán kinh phí coi thi, chấm thi theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Nhận danh sách sinh viên vắng thi có lý do từ Bộ phận Một cửa và tổ chức thi cho số sinh viên này.

3.7.2. Trách nhiệm các khoa/viện đào tạo

- Lập danh sách, cử và phân công cán bộ coi thi theo quyết định điều động của Nhà trường.

- Cán bộ coi thi học phần là cán bộ đang công tác tại Trường, có trình độ cử nhân trở lên. Không điều động các đối tượng khác làm cán bộ coi thi nếu không có sự phê duyệt của Ban Giám hiệu. Đối với những học phần có nhiều phòng thi có thể điều động thêm học viên cao học đang học tập tại Trường đã được tập huấn công tác coi thi và tối thiểu phải bố trí ít nhất 1 cán bộ của Trường trong 1 phòng thi.

- Thông báo kế hoạch và lịch coi thi cho cán bộ được điều động coi thi của khoa, viện.

- Lập danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi các học phần do khoa, viện đảm nhận.

- Chuẩn bị vật tư, văn phòng phẩm cho kỳ thi theo quy định.

3.8. Tổ chức chấm thi cuối kỳ

3.8.1. Trách nhiệm TTĐBCL

- Lên kế hoạch, thông báo cho các khoa, viện về thời gian chấm thi theo quy định.

- Tổ chức chấm thi tập trung; giám sát quá trình chấm thi.

- Kiểm soát thời hạn hoàn tất việc chấm thi, phân quyền nhập điểm, theo dõi và thông báo định kỳ các trường hợp quá hạn chưa nộp điểm, nhập điểm để đề xuất Ban Giám hiệu xử lý.

- Xử lý danh sách sinh viên vi phạm quy chế thi.

- Tính điểm và chuyển điểm vào tài khoản cá nhân của sinh viên.

3.8.2. Trách nhiệm các khoa, viện đào tạo

- Phân công cán bộ chấm thi.

- Chấm thi và quản lý bài thi. Việc chấm thi do 2 giảng viên thực hiện tại phòng chấm thi của Nhà trường. Tuyệt đối không được mang bài thi ra khỏi khu vực chấm thi.

- Giám sát và kiểm tra quá trình chấm thi của giảng viên thuộc đơn vị. Việc chấm thi phải hoàn thành chậm nhất 5 ngày sau ngày đánh phách và cắt phách.

- Giám sát và kiểm tra tính chính xác việc vào điểm từ bài thi và danh sách nhập điểm của giảng viên đảm bảo tính pháp lý của danh sách vào điểm (bao gồm mẫu 4 viết tay và bản in từ phần mềm sau khi nhập điểm), bản ghi kết quả học tập (bảng điểm hợp lệ phải có đầy đủ chữ ký của 2 cán bộ chấm thi, xác nhận của Trưởng bộ môn). Bản ghi kết quả học tập phải được làm thành hai bản, một bản lưu giữ tại bộ môn, một bản lưu tại văn phòng khoa, viện sau khi kết thúc chấm thi cuối kỳ.

3.8.3. Trách nhiệm cán bộ chấm thi

- Tất cả các giảng viên có trách nhiệm tham gia chấm thi theo sự phân công của Trưởng Bộ môn. Việc chấm thi phải tuân thủ các quy định của Nhà trường trong việc chấm thi và giao nộp bài thi, đồng thời phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan trong việc chấm thi.

- Chấm thi theo đúng thang điểm và đáp án đã được bộ môn thông qua, có điểm thành phần theo câu. Điểm bài thi làm tròn đến một chữ số thập phân. Thang điểm cần chi tiết đến 0,5 điểm đối với các học phần thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn và chi tiết đến 0,25 điểm đối với các học phần thuộc các lĩnh vực khác.

- Phát hiện, lập biên bản và xử lý theo quy định các bài thi có biểu hiện gian lận hoặc vi phạm quy chế thi.

- Xác nhận các bảng điểm và phối hợp với cán bộ văn phòng khoa, viện nhập điểm vào hệ thống quản lý điểm chậm nhất 9 ngày sau khi thi cuối kỳ.

3.9. Quản lý bài thi và hồ sơ đánh giá học phần

- Trưởng khoa, viện chịu trách nhiệm lưu giữ bài thi tự luận, bài tập lớn, tiểu luận, đồ án tại TTĐBCL cho đến hết khóa học của sinh viên. Việc bảo quản và hủy bài thi được thực hiện theo Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục và Quy chế văn thư, lưu trữ của Trường Đại học Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 399/QĐ-ĐHV ngày 14/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

- Trưởng Bộ môn chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý hoạt động đánh giá quá trình của giảng viên thuộc Bộ môn và các học phần do Bộ môn đảm nhận theo đúng quy định của Nhà trường.

- Giảng viên chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ học phần (bài tập cá nhân, báo cáo bài tập nhóm, bài thu hoạch, báo cáo kết quả thảo luận, báo cáo thực hiện công việc, phiếu tự đánh giá, hoặc minh chứng sản phẩm học tập... tùy theo từng học phần do giảng viên quy định), bài thi giữa kỳ (ngoại trừ bài thi trên máy tính) và kết quả đánh giá quá trình ít nhất 1 học kỳ sau khi hoàn thành học phần.

3.10. Quản lý và sử dụng kết quả học tập

- Quản lý kết quả học tập nhằm tạo sự thống nhất trong việc xử lý và lưu trữ kết quả học tập của sinh viên tại các đơn vị liên quan trong quá trình đào tạo, tạo sự chính xác, công bằng, minh bạch, tự chịu trách nhiệm và góp phần nâng cao hiệu lực quản lý, chất lượng đào tạo của Nhà trường.

- TTĐBCL chịu trách nhiệm:

- Quản lý việc nhập điểm và dữ liệu điểm của sinh viên trên phần mềm quản lý điểm và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu điểm.
- Chuyển kết quả thi trắc nghiệm khách quan vào phần mềm quản lý điểm.
- Tiếp nhận và xử lý các thắc mắc về kết quả học tập của sinh viên.
- Thông báo kết quả học tập cho sinh viên theo lớp học phần và lớp sinh viên trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.
- Xử lý thống kê kết quả đánh giá học phần và gửi thông tin phản hồi đến các đơn vị liên quan theo từng học kỳ.

- Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm:

- Xử lý dữ liệu kết quả từ phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường để phục vụ cho xét buộc thôi học, học tiếp, công nhận tốt nghiệp, xét cấp văn bằng, chứng chỉ và các vấn đề khác liên quan đến kết quả học tập của sinh viên.
- In, ký, cấp phát bằng điểm toàn khóa cho sinh viên sau khi tốt nghiệp hoặc theo yêu cầu.
- Lưu trữ vĩnh viễn những tài liệu, hồ sơ sau đây sau khi sinh viên tốt nghiệp:
 - Quyết định và danh sách công nhận tốt nghiệp của sinh viên.
 - Bảng điểm kết quả học tập toàn khóa học của sinh viên đã tốt nghiệp.
 - Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ.
- Giám sát, kiểm tra quy trình quản lý điểm, xử lý dữ liệu kết quả học tập của sinh viên.

- Tiếp nhận thông tin phản hồi về kết quả đánh giá học phần và tổ chức nghiên cứu sử dụng để cải tiến chất lượng dạy học và phát triển chương trình đào tạo.

- Các khoa, viện chịu trách nhiệm:

- Lưu trữ và quản lý kết quả học tập của sinh viên thuộc khoa, viện quản lý.
- Tất cả các loại bảng điểm lưu trữ phải được đóng thành cuốn, có chữ ký của người vào điểm, cán bộ chấm, xác nhận của Trưởng Bộ môn, Viện trưởng hoặc Trưởng khoa và được lưu giữ lâu dài tại tủ lưu trữ hồ sơ của khoa, viện.
- Tiếp nhận thông tin phản hồi về kết quả đánh giá học phần và tổ chức nghiên cứu sử dụng để cải tiến chất lượng dạy học, phát triển chương trình đào tạo và chất lượng ngân hàng câu hỏi thi.

Phần 4: Một số kết quả thực hiện

Trong giai đoạn năm học 2015 đến năm 2017, Nhà trường đã tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá theo chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, các sinh viên chủ động, linh hoạt trong việc lựa chọn thời gian tham gia học tập. Các học phần được giảng dạy đã thực hiện công tác kiểm tra đánh giá theo đúng các quy định của Nhà trường:

- Giảng viên thực hiện việc đánh giá quá trình, tùy thuộc vào từng học phần, giảng viên có thể sử dụng các hình thức khác nhau như vấn đáp, tự luận, thực hành,... Kết quả đánh giá cuối kỳ hầu hết được thực hiện bằng hình thức viết, với trọng số rất cao (70%).

- Công tác tổ chức thi cuối kỳ được tổ chức nghiêm túc, đúng quy định nên đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên khách quan, chính xác, công bằng.

- Kết quả kiểm tra, đánh giá quá trình được công bố công khai và phản hồi kịp thời tới người dạy và học để điều chỉnh trong quá trình dạy học.

Tuy nhiên, do hình thức thi cuối kỳ chủ yếu là hình thức thi viết vẫn còn tình trạng học lệch, học tủ. Trọng số điểm đánh giá cuối kỳ lớn nên người học có tâm lý lơ là trong quá trình học tập, chỉ chú trọng đến quá trình ôn và thi cuối kỳ.

Trong giai đoạn năm học 2017 đến năm 2019, Nhà trường đã tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá theo chương trình đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ. Các học phần được giảng dạy đã thực hiện việc đổi mới công tác kiểm tra đánh giá theo đúng các quy định và từng bước cải tiến chất lượng đào tạo của Nhà trường:

- Điểm đánh giá quá trình chiếm 50%, trong đó có quy định chi tiết các điểm thành phần, chú trọng tới hoạt động của người học trên lớp, đặc biệt là phần hoạt động nhóm và quá trình tự học của người học.

- Kết quả kiểm tra, đánh giá quá trình được công bố công khai và phản hồi kịp thời tới người dạy và học để điều chỉnh trong quá trình dạy học.

- Việc áp dụng linh hoạt các hình thức thi vào các môn học đã góp phần đánh giá đúng năng lực của người học. Đặc biệt, việc áp dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan đối với điểm đánh giá giữa kỳ đối với hầu hết các môn học (trừ các môn học thực tế, thực hành) và cuối kỳ đối với các học phần giáo dục đại cương đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên khách quan, chính xác, công bằng và tiết kiệm được thời gian tổ chức thực hiện; hạn chế tối đa tiêu cực trong thi cử và chống học lệch, học tủ.

- Từ chương trình đào tạo và kết quả tổng kết học phần cho thấy công tác kiểm tra đánh giá đã cơ bản đảm bảo đánh giá được năng lực của người học.

Tuy nhiên, một số học phần cần xem xét mức độ phù hợp giữa chuẩn đầu ra, nội dung giảng dạy và ngân hàng câu hỏi thi để đảm bảo đánh giá và phân loại tốt hơn năng lực người học.

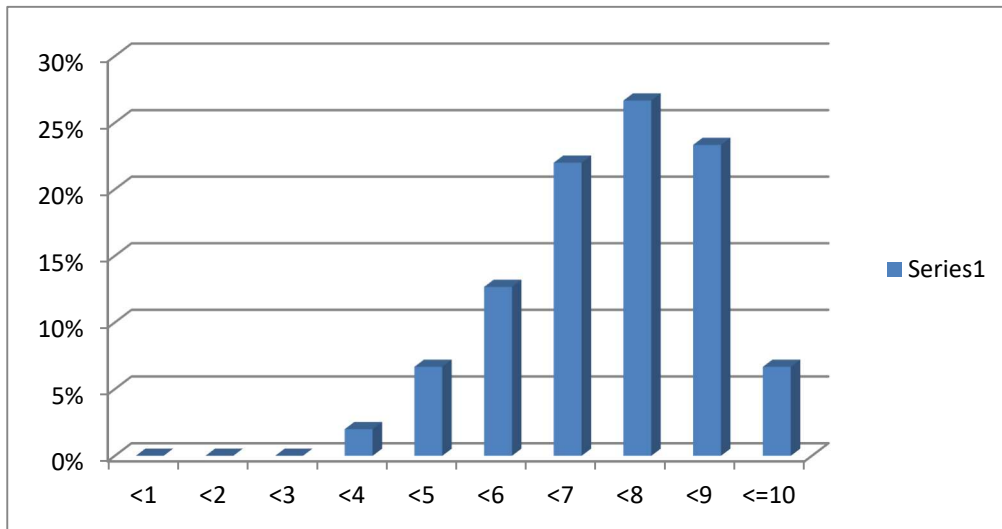
Trước năm 2017, việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm khách quan hoàn toàn giao cho giảng viên tự xây dựng dựa trên nội dung cần đánh giá và kinh nghiệm giảng dạy của giảng viên biên soạn câu hỏi. Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã xây dựng quy trình về việc biên soạn các câu hỏi thi, tuy nhiên quy trình này chưa chú trọng đến việc thử nghiệm bộ câu hỏi và phân tích câu hỏi thi để đảm bảo độ khó, độ tin cậy, độ phân biệt và độ giá trị của câu hỏi thi cũng như của đề thi, do đó chất lượng của câu hỏi thi chưa đáp ứng được việc đánh giá năng lực người học.

Phân tích câu hỏi thi là một quá trình xem xét chúng một cách kỹ lưỡng và có phê phán. Phân tích câu hỏi nhằm làm tăng chất lượng của chúng, loại bỏ những câu hỏi không đạt yêu cầu, sửa chữa những câu hỏi có thể sửa được và giữ lại những câu hỏi đáp ứng yêu cầu. Phân tích câu hỏi thi thường được thực hiện bằng một trong hai phương pháp:

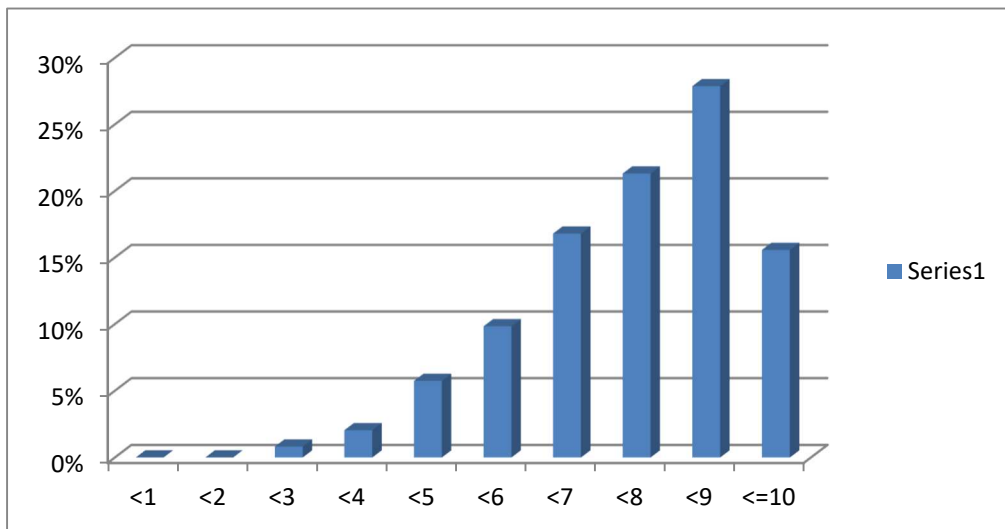
Phương pháp chuyên gia: một số chuyên gia cho ý kiến nhận xét về những câu hỏi cụ thể theo một số tiêu chí đề ra. Những người được hỏi có thể là các chuyên gia môn học, chuyên gia soạn thảo văn bản, thậm chí là một số thí sinh. Cách tiếp cận này có hai nguyên tắc: người được hỏi phải là người có khả năng bình phẩm, phê phán các câu hỏi thi - kiểm tra; các câu hỏi được viết theo một nguyên tắc đã được xác định và có các tiêu chí để bình phẩm, phê phán.

Phương pháp định lượng: phân tích thống kê kết quả làm bài của thí sinh. Sau khi có kết quả, nhập dữ liệu để phân tích. Việc này thường làm trong quá trình thử nghiệm các câu hỏi. Mục đích chính của thử nghiệm là thu thập dữ liệu để phân tích các câu hỏi, chỉ ra những câu hỏi cần phải sửa.

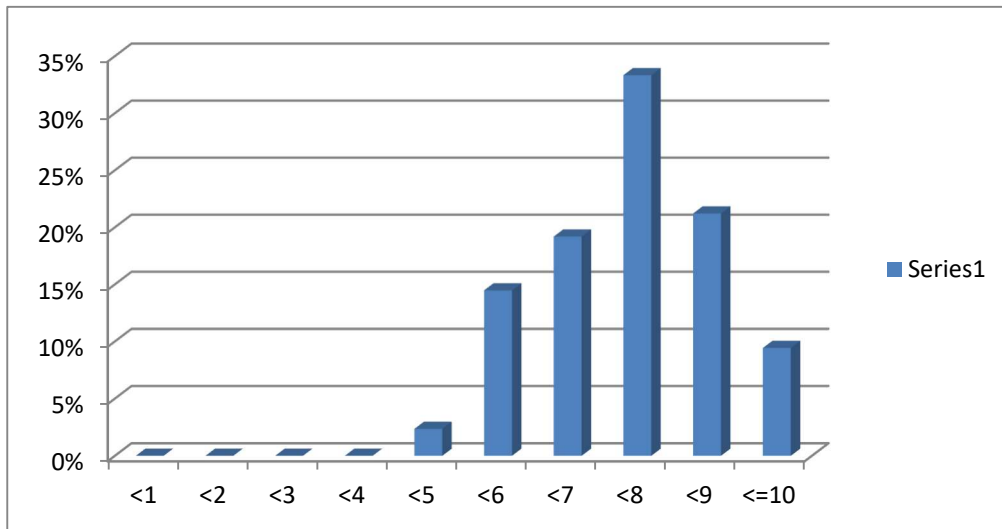
Ở đây, việc thống kê và phân tích kết quả thi đã cho thấy chất lượng câu hỏi thi và đề thi có cải tiến, có khả năng phân loại và đánh giá được năng lực người học.



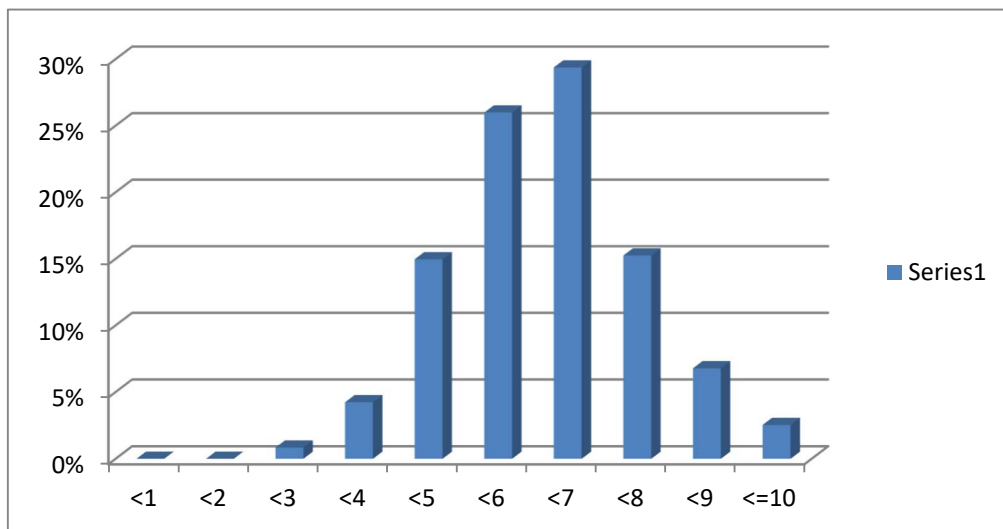
Biểu đồ 1: Kết quả đánh giá học kỳ I năm học 2017 - 2018
 Học phần: **Âm nhạc**



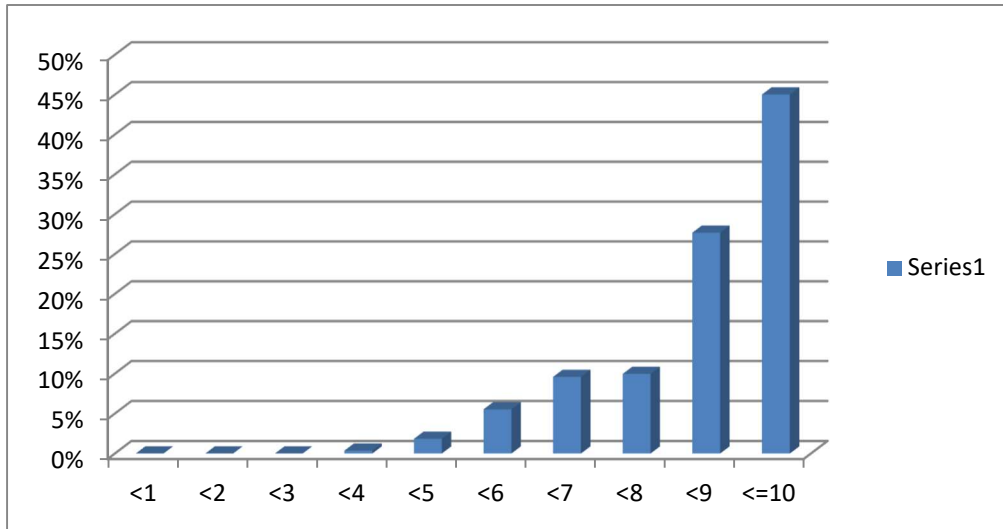
Biểu đồ 2: Kết quả đánh giá học kỳ I năm học 2017 - 2018
 Học phần: **Dẫn luận ngôn ngữ**



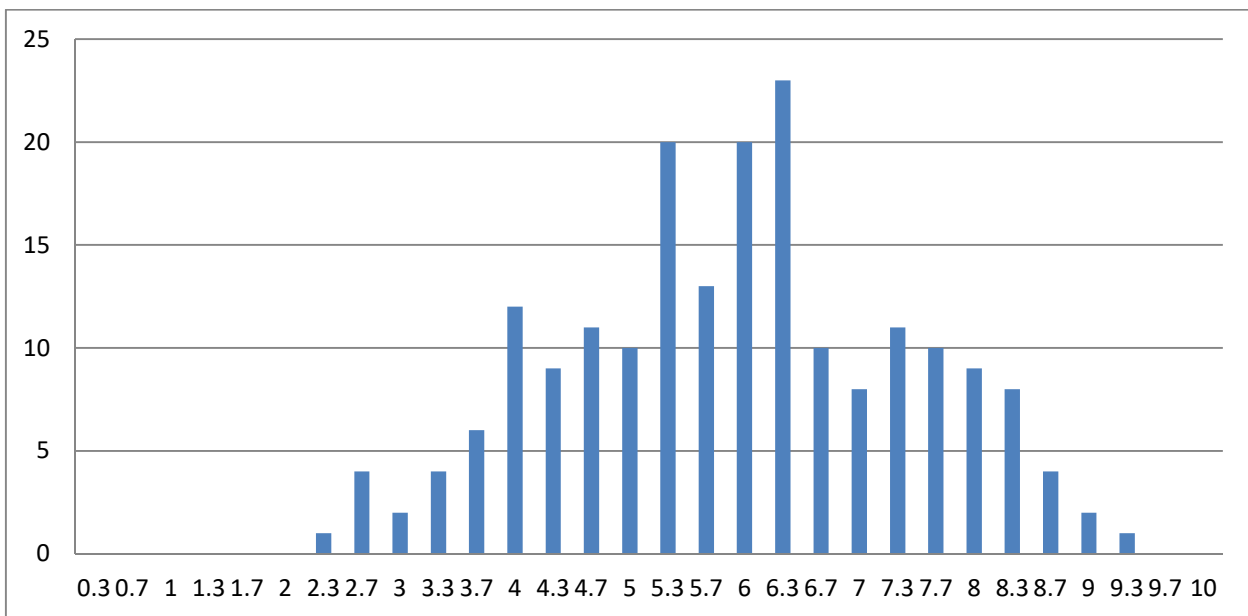
Biểu đồ 3: Kết quả đánh giá học kỳ I năm học 2017 - 2018
 Học phần: **Tâm lý học giáo dục trẻ em**



Biểu đồ 4: Kết quả đánh giá học kỳ I năm học 2017 - 2018
 Học phần: **Tâm lý học**



Biểu đồ 5: Kết quả đánh giá học kỳ I năm học 2017 - 2018
 Học phần: **Toán cơ sở**



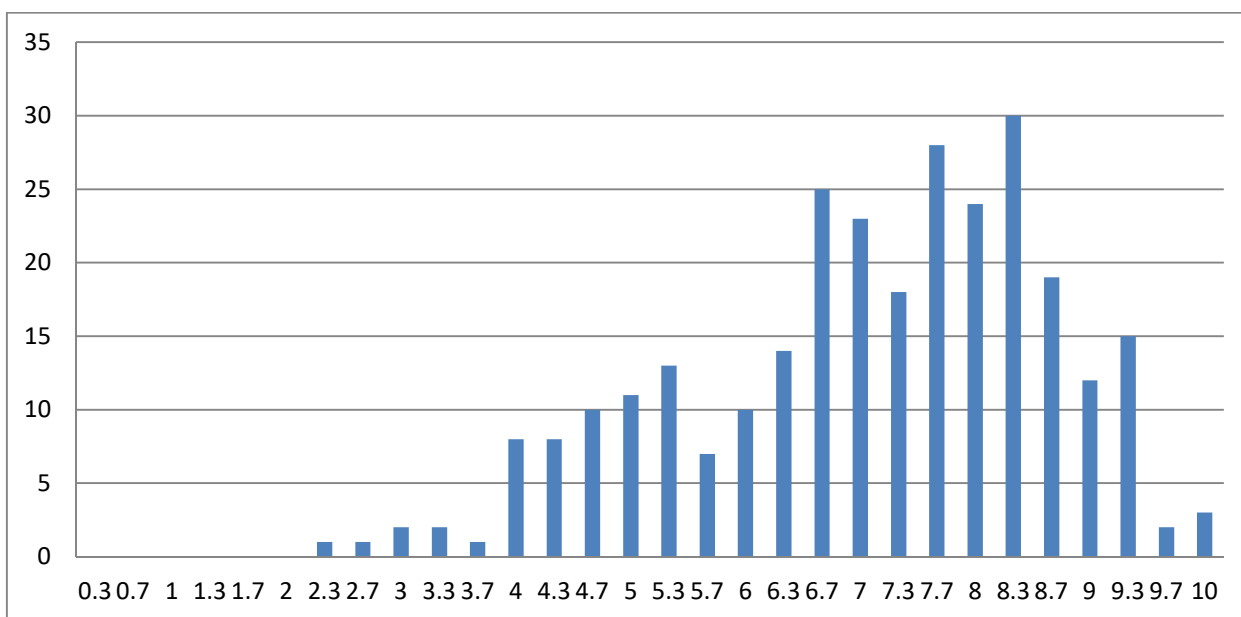
Biểu đồ 6: Kết quả đánh giá học kỳ I năm học 2018 - 2019
 Học phần: **Âm nhạc**

ĐÁNH GIÁ CÂU HỎI ĐỀ THI HỌC PHẦN ÂM NHẠC

STT	Mã câu hỏi	Không chọn	Đáp án	Đáp án	Đáp án	Đáp án	Độ khó		Độ phân biệt
			D	C	B	A	P	PQ	
1	20101	0	1	2	4	35	0.83	0.14	0.38
2	20102	0	3	0	0	39	0.93	0.07	0.17
3	20103	0	2	0	2	72	0.95	0.05	0.17
4	20104	0	0	0	0	24	1.00	0.00	0.00
5	20105	0	0	4	23	23	0.46	0.25	0.20
6	20106	0	1	8	4	13	0.50	0.25	-0.01
7	20107	0	3	9	0	26	0.68	0.22	0.17
8	20108	0	5	3	5	13	0.50	0.25	0.66
9	20109	0	4	3	4	40	0.78	0.17	0.47
10	20110	0	1	0	5	49	0.89	0.10	0.20
11	20111	0	1	0	3	34	0.89	0.09	0.03
12	20112	0	3	0	0	24	0.89	0.10	0.26
13	20113	0	1	3	1	9	0.64	0.23	0.35
14	20114	0	1	32	0	4	0.11	0.10	0.14
15	20115	0	0	0	0	28	1.00	0.00	0.00
16	20116	0	0	2	4	46	0.88	0.10	0.32
17	20117	0	2	1	8	58	0.84	0.13	0.46
18	20118	0	0	0	6	54	0.90	0.09	0.45
19	20119	0	3	3	10	113	0.88	0.11	0.29
20	20120	0	3	2	9	52	0.79	0.17	0.54
21	20121	0	12	11	13	80	0.69	0.21	0.43
22	20122	0	0	2	9	40	0.78	0.17	0.50
23	20123	0	1	0	9	83	0.89	0.10	0.41
24	20124	1	1	1	0	33	0.92	0.08	0.24
25	20125	0	1	2	0	49	0.94	0.05	0.08
26	20126	0	30	8	16	13	0.19	0.16	0.17
27	20127	0	6	2	3	107	0.91	0.08	0.32
28	20128	0	6	5	11	121	0.85	0.13	0.23
29	20129	0	3	3	3	70	0.89	0.10	0.25
30	20130	0	20	3	19	61	0.59	0.24	0.38
31	20131	0	16	23	9	55	0.53	0.25	0.48
32	20132	0	6	2	12	125	0.86	0.12	0.10
33	20133	0	64	4	1	59	0.46	0.25	0.44
34	20134	0	8	10	18	17	0.32	0.22	0.05
35	20135	0	1	2	0	18	0.86	0.12	0.39
36	20137	0	1	6	12	16	0.46	0.25	0.62
37	20138	0	4	3	35	26	0.38	0.24	0.31
38	20139	0	8	18	1	64	0.70	0.21	0.30

39	20140	0	0	9	14	46	0.67	0.22	-0.09
40	20141	0	6	8	4	6	0.25	0.19	0.09
41	20142	0	8	4	6	21	0.54	0.25	-0.01
42	20143	1	12	4	18	33	0.49	0.25	0.21
43	20144	0	1	5	0	19	0.76	0.18	0.21
44	20145	0	4	0	6	43	0.81	0.15	0.48
45	20146	0	1	7	3	39	0.78	0.17	0.20
46	20147	0	0	5	3	42	0.84	0.13	0.36
47	20148	0	8	0	0	33	0.80	0.16	-0.31
48	20149	0	2	2	1	9	0.64	0.23	0.59
49	20150	0	3	5	0	6	0.43	0.24	0.80
50	20151	0	3	2	8	22	0.63	0.23	0.49
51	20152	0	11	10	10	100	0.76	0.18	0.20
52	20153	0	5	4	6	36	0.71	0.21	0.51
53	20154	0	2	6	7	9	0.38	0.23	0.71
54	20155	0	2	3	7	16	0.57	0.24	0.59
55	20156	0	1	1	3	20	0.80	0.16	0.50
56	20157	0	5	3	8	25	0.61	0.24	0.64
57	20158	0	22	1	2	17	0.40	0.24	0.58
58	20159	0	25	9	3	106	0.74	0.19	0.16
59	20160	0	17	14	30	81	0.57	0.25	0.27
60	20161	1	3	92	16	43	0.28	0.20	0.05
61	20162	0	9	25	10	62	0.58	0.24	0.42
62	20163	0	17	20	44	192	0.70	0.21	0.31
63	20164	0	12	3	17	241	0.88	0.10	0.10
64	20165	0	7	19	16	8	0.16	0.13	0.34
65	20166	0	46	13	24	8	0.09	0.08	0.05
66	20167	0	8	6	2	64	0.80	0.16	0.24
67	20168	0	10	5	0	34	0.69	0.21	0.37
68	20169	0	1	3	11	62	0.81	0.16	0.35
69	20170	0	7	22	5	45	0.57	0.25	0.36
70	20171	0	1	14	4	35	0.65	0.23	0.62
71	20172	0	3	10	15	38	0.58	0.24	0.61
72	20173	0	5	4	1	51	0.84	0.14	0.57
73	20174	0	9	8	20	30	0.45	0.25	0.53
74	20175	0	12	7	18	14	0.27	0.20	0.54
75	20176	0	8	1	13	28	0.56	0.25	0.56
76	20177	0	11	10	19	92	0.70	0.21	0.50
77	20178	0	5	2	5	39	0.76	0.18	0.40
78	20179	0	7	8	2	24	0.59	0.24	0.51
79	20180	1	23	10	8	51	0.55	0.25	0.68
80	20181	0	26	26	31	50	0.38	0.23	0.35
81	20182	0	12	11	12	18	0.34	0.22	0.28

82	20183	0	18	11	12	46	0.53	0.25	0.37
83	20184	0	22	12	9	60	0.58	0.24	0.20
84	20185	4	66	22	22	56	0.33	0.22	0.28
85	20186	2	71	17	39	52	0.29	0.20	0.23
86	20188	0	57	8	10	120	0.62	0.24	0.34
87	20189	0	47	31	49	43	0.25	0.19	0.23
88	20192	0	26	16	11	67	0.56	0.25	0.55
89	20193	0	16	30	22	86	0.56	0.25	0.52
90	20194	1	15	52	10	117	0.60	0.24	0.43
91	20195	0	8	6	8	55	0.71	0.20	0.29
92	20196	0	16	82	39	136	0.50	0.25	0.41
93	20197	2	25	119	54	73	0.27	0.20	0.24
94	20198	0	9	12	20	47	0.53	0.25	0.42
95	20199	0	21	20	85	59	0.32	0.22	0.16
96	20200	4	14	114	63	78	0.29	0.20	0.18



Biểu đồ 7: Kết quả đánh giá học kỳ I năm học 2018 - 2019
 Học phần: **Dẫn luận ngôn ngữ**

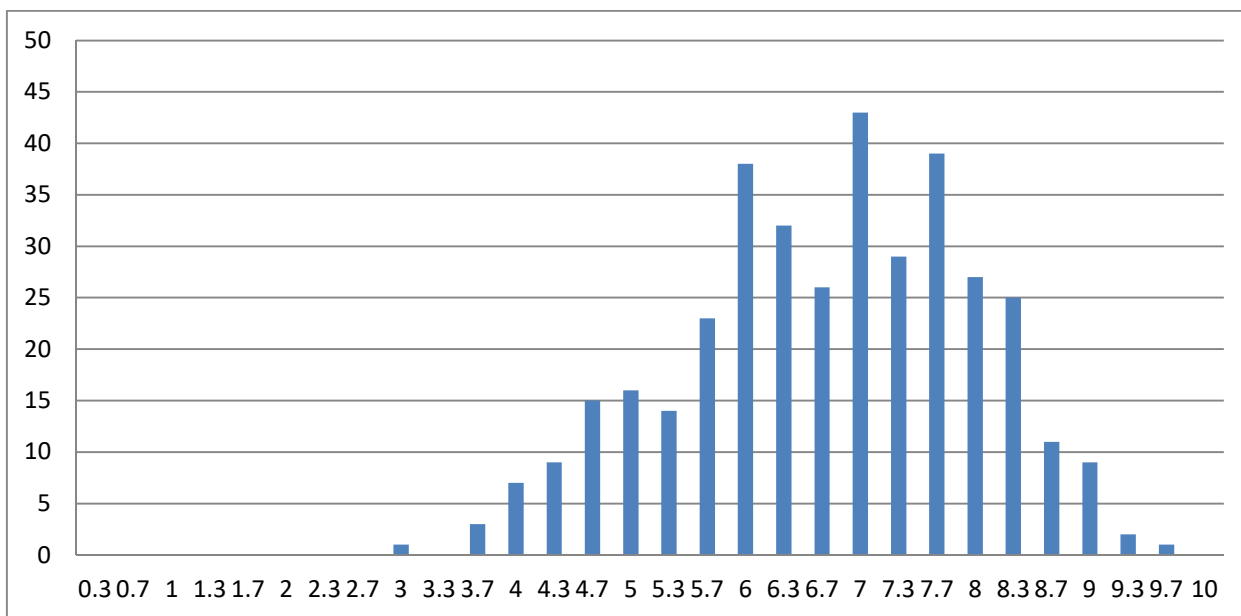
ĐÁNH GIÁ CÂU HỎI ĐỀ THI HỌC PHẦN DẪN LUẬN NGÔN NGỮ

STT	Mã câu hỏi	Không chọn	Đáp án D	Đáp án C	Đáp án B	Đáp án A	Độ khó P	Độ khó PQ	Độ phân biệt
1	2542	0	5	6	41	74	0.59	0.24	0.56
2	2544	1	25	4	14	90	0.67	0.22	0.42

3	2545	0	28	8	19	85	0.61	0.24	0.39
4	2547	1	31	9	8	104	0.68	0.22	0.47
5	2548	0	9	12	4	91	0.78	0.17	0.38
6	2550	2	24	31	14	64	0.47	0.25	0.42
7	2551	1	22	13	16	84	0.62	0.24	0.40
8	2552	1	0	1	1	51	0.94	0.05	0.07
9	2553	0	1	9	3	77	0.86	0.12	0.46
10	2554	2	19	14	4	76	0.66	0.22	0.37
11	2555	0	8	2	3	56	0.81	0.15	0.30
12	2556	1	9	1	26	101	0.73	0.20	0.41
13	2557	1	0	8	9	121	0.87	0.11	0.34
14	2558	0	0	22	3	123	0.83	0.14	0.43
15	2559	0	22	1	30	136	0.72	0.20	0.35
16	2560	0	21	9	10	95	0.70	0.21	0.53
17	2561	1	19	28	35	107	0.56	0.25	0.46
18	2562	0	4	3	1	47	0.85	0.12	0.55
19	2563	1	2	20	26	41	0.46	0.25	0.52
20	2564	0	4	8	17	105	0.78	0.17	0.43
21	2565	0	2	21	9	84	0.72	0.20	0.52
22	2567	0	8	1	4	20	0.61	0.24	0.17
23	2568	1	6	6	2	78	0.84	0.14	0.41
24	2570	1	3	2	0	112	0.95	0.05	0.34
25	2572	0	1	4	0	62	0.93	0.07	0.09
26	2574	0	1	0	1	68	0.97	0.03	0.41
27	2576	0	6	3	1	87	0.90	0.09	0.38
28	2577	0	10	2	21	81	0.71	0.21	0.33
29	2578	0	20	1	5	127	0.83	0.14	0.33
30	2580	0	0	4	2	95	0.94	0.06	0.29
31	2581	2	13	28	12	28	0.34	0.22	0.29
32	2583	2	3	2	4	38	0.78	0.17	0.42
33	2586	1	5	6	4	144	0.90	0.09	0.28
34	2587	1	60	4	7	35	0.33	0.22	0.51
35	2588	0	17	5	81	19	0.16	0.13	0.19
36	2589	0	15	0	3	55	0.75	0.19	0.46
37	2609	0	9	31	51	65	0.42	0.24	0.29
38	2610	0	6	1	5	132	0.92	0.08	0.23
39	2614	1	30	45	8	18	0.18	0.15	-0.12
40	2617	1	40	8	4	70	0.57	0.25	0.35
41	2618	0	5	0	0	112	0.96	0.04	0.38
42	2619	2	25	15	5	75	0.61	0.24	0.45
43	2620	0	6	3	4	57	0.81	0.15	0.43
44	2621	2	15	3	13	154	0.82	0.15	0.42
45	2622	1	13	5	51	123	0.64	0.23	0.42

46	2623	1	57	9	22	66	0.43	0.24	0.44
47	2624	0	3	10	6	52	0.73	0.20	0.54
48	2694	1	10	0	11	130	0.86	0.12	0.58
49	2695	0	0	2	0	70	0.97	0.03	0.40
50	2696	0	8	6	3	47	0.73	0.20	0.21
51	2698	0	23	5	24	100	0.66	0.23	0.31
52	2699	0	6	5	20	88	0.74	0.19	0.42
53	2700	0	13	13	10	85	0.70	0.21	0.29
54	2709	3	10	32	3	87	0.64	0.23	0.20
55	2714	2	2	4	0	43	0.84	0.13	-0.04
56	2716	0	8	2	19	111	0.79	0.16	0.50
57	2719	0	22	3	7	123	0.79	0.16	0.38
58	2721	1	6	17	11	124	0.78	0.17	0.47
59	2728	1	6	10	19	84	0.70	0.21	0.31
60	2747	0	4	4	13	49	0.70	0.21	0.41
61	2750	0	1	7	10	34	0.65	0.23	0.60
62	2752	1	21	42	11	62	0.45	0.25	0.24
63	2754	1	8	14	24	91	0.66	0.22	0.35
64	2756	0	3	8	8	37	0.66	0.22	0.45
65	2759	0	8	1	10	63	0.77	0.18	0.38
66	2762	0	11	3	15	102	0.78	0.17	0.50
67	2763	1	1	6	1	114	0.93	0.07	0.31
68	2765	0	22	7	12	65	0.61	0.24	0.29
69	2766	0	10	3	4	36	0.68	0.22	0.59
70	2769	0	15	0	5	67	0.77	0.18	0.31
71	2771	0	2	3	22	57	0.68	0.22	0.28
72	2777	2	19	31	13	66	0.50	0.25	0.27
73	2781	0	1	23	4	37	0.57	0.25	0.46
74	2784	1	20	1	19	84	0.67	0.22	0.38
75	2786	0	3	0	43	162	0.78	0.17	0.33
76	2788	1	72	2	1	26	0.25	0.19	0.24
77	2793	1	0	12	23	156	0.81	0.15	0.32
78	2794	0	9	22	23	131	0.71	0.21	0.53
79	2796	2	1	4	9	17	0.52	0.25	0.37
80	2797	1	15	17	32	73	0.53	0.25	0.31
81	2798	1	19	7	11	138	0.78	0.17	0.39
82	2800	0	17	5	18	141	0.78	0.17	0.28
83	2802	0	5	2	14	16	0.43	0.25	0.29
84	2803	2	12	7	9	158	0.84	0.13	0.55
85	2806	1	2	5	0	84	0.91	0.08	0.30
86	2810	1	7	11	40	41	0.41	0.24	-0.12
87	2814	0	3	0	6	66	0.88	0.11	-0.04
88	2818	0	17	6	0	90	0.80	0.16	0.21

89	2826	1	28	20	26	84	0.53	0.25	0.41
90	2830	0	3	2	5	71	0.88	0.11	0.40
91	2839	0	7	6	8	79	0.79	0.17	0.23
92	5449	1	6	10	35	120	0.70	0.21	0.41
93	5451	0	5	17	22	62	0.58	0.24	0.38



Biểu đồ 8: Kết quả đánh giá học kỳ I năm học 2018 - 2019
 Học phần: **Tâm lý học giáo dục trẻ em**

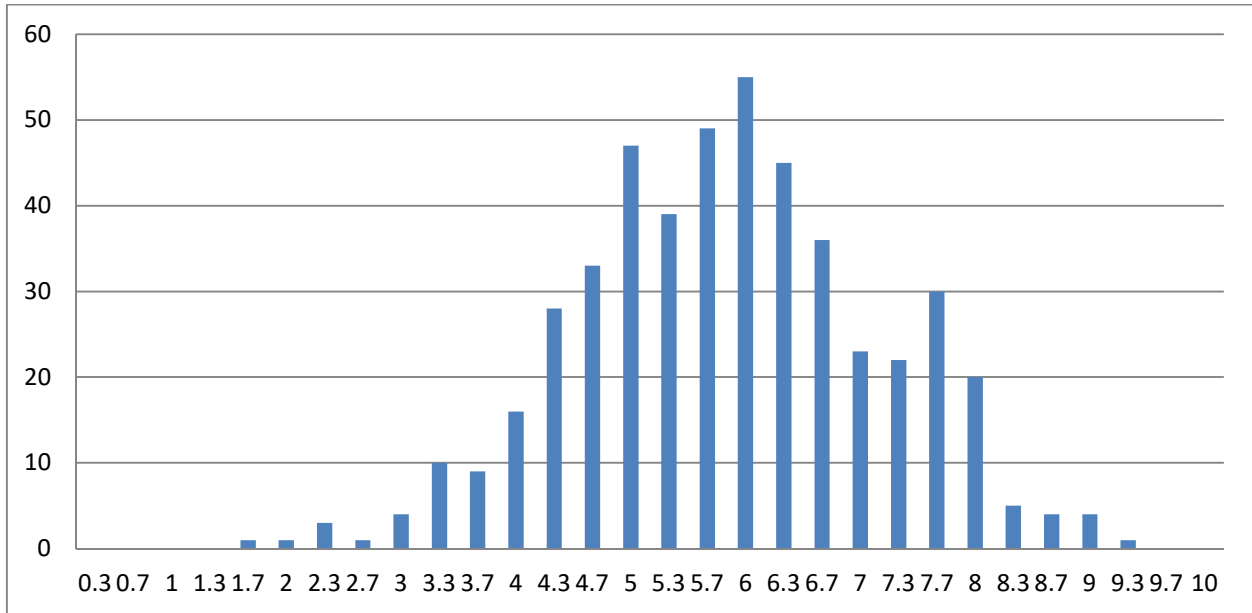
ĐÁNH GIÁ CÂU HỎI ĐỀ THI HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC TRẺ EM

STT	Mã câu hỏi	Không chọn	Đáp án				Độ khó		Độ phân biệt
			D	C	B	A	P	PQ	
1	22420	0	38	0	4	99	0.70	0.21	0.41
2	22421	0	0	2	4	100	0.94	0.05	0.28
3	22422	0	0	12	3	78	0.84	0.14	0.41
4	22423	0	0	14	6	70	0.78	0.17	0.53
5	22424	0	2	8	11	69	0.77	0.18	0.41
6	22425	0	27	0	4	39	0.56	0.25	0.15
7	22426	0	5	1	2	62	0.89	0.10	0.31
8	22427	0	9	1	33	60	0.58	0.24	0.38
9	22428	0	3	5	2	82	0.89	0.10	0.24
10	22429	0	7	1	0	25	0.76	0.18	0.57
11	22430	0	0	4	1	49	0.91	0.08	0.29
12	22431	0	0	1	0	125	0.99	0.01	0.12
13	22432	0	7	3	2	149	0.93	0.07	0.37

14	22433	0	0	1	3	65	0.94	0.05	0.08
15	22434	0	2	9	7	103	0.85	0.13	0.14
16	22435	0	11	5	0	54	0.77	0.18	0.39
17	22436	0	25	4	3	74	0.70	0.21	0.38
18	22437	0	20	15	4	47	0.55	0.25	0.28
19	22438	0	5	15	4	44	0.65	0.23	0.52
20	22439	0	1	2	16	73	0.79	0.16	0.31
21	22440	0	0	2	29	57	0.65	0.23	0.14
22	22441	0	0	0	6	48	0.89	0.10	-0.07
23	22442	0	2	1	8	24	0.69	0.22	0.51
24	22443	0	3	1	31	75	0.68	0.22	0.42
25	22444	0	0	0	1	14	0.93	0.06	0.23
26	22445	0	3	5	3	58	0.84	0.13	0.23
27	22446	0	3	45	6	37	0.41	0.24	0.22
28	22447	0	9	0	28	70	0.65	0.23	0.42
29	22448	0	1	5	13	49	0.72	0.20	0.37
30	22449	0	1	3	4	8	0.50	0.25	0.46
31	22450	0	0	1	2	137	0.98	0.02	0.11
32	22451	0	48	7	1	29	0.34	0.22	0.04
33	22452	0	7	5	4	58	0.78	0.17	0.24
34	22453	0	0	0	0	54	1.00	0.00	0.00
35	22454	0	7	5	5	105	0.86	0.12	0.33
36	22455	0	7	4	5	39	0.71	0.21	0.47
37	22456	0	3	11	2	52	0.76	0.18	0.41
38	22457	0	12	2	39	72	0.58	0.24	0.06
39	22458	0	47	2	2	71	0.58	0.24	0.52
40	22459	0	4	4	18	45	0.63	0.23	0.51
41	22460	0	9	9	3	86	0.80	0.16	0.35
42	22461	0	1	0	3	30	0.88	0.10	0.17
43	22462	0	3	14	43	60	0.50	0.25	0.10
44	22463	0	0	1	2	65	0.96	0.04	0.25
45	22464	0	1	2	10	78	0.86	0.12	0.04
46	22465	0	6	11	0	87	0.84	0.14	0.36
47	22466	0	0	2	1	102	0.97	0.03	0.10
48	22467	0	2	35	1	90	0.70	0.21	0.31
49	22468	0	9	41	9	47	0.44	0.25	0.41
50	22469	0	0	2	5	61	0.90	0.09	0.26
51	22470	0	0	39	15	103	0.66	0.23	0.22
52	22471	0	0	28	1	131	0.82	0.15	0.27
53	22472	0	0	0	2	124	0.98	0.02	0.15
54	22473	0	26	40	1	53	0.44	0.25	0.32
55	22474	0	22	3	2	75	0.74	0.19	0.35
56	22475	0	29	1	16	77	0.63	0.23	0.36

57	22476	0	4	3	1	79	0.91	0.08	0.39
58	22477	0	0	30	23	55	0.51	0.25	0.32
59	22478	0	9	0	26	35	0.50	0.25	0.39
60	22479	0	19	11	1	46	0.60	0.24	0.19
61	22480	0	33	24	17	91	0.55	0.25	0.35
62	22481	0	26	4	2	72	0.69	0.21	0.45
63	22482	0	0	0	5	66	0.93	0.07	0.35
64	22483	0	21	0	8	81	0.74	0.19	0.22
65	22484	0	0	0	6	32	0.84	0.13	0.41
66	22485	0	32	6	68	90	0.46	0.25	0.28
67	22486	0	12	18	17	78	0.62	0.23	0.52
68	22487	0	15	16	10	46	0.53	0.25	0.57
69	22488	0	15	2	19	102	0.74	0.19	0.28
70	22489	0	5	39	19	23	0.27	0.20	0.25
71	22490	0	28	0	2	57	0.66	0.23	0.27
72	22491	0	3	1	29	178	0.84	0.13	0.34
73	22492	0	8	9	76	48	0.34	0.22	0.11
74	22493	0	0	1	10	148	0.93	0.06	0.37
75	22494	0	0	1	11	161	0.93	0.06	0.42
76	22495	0	23	36	8	61	0.48	0.25	0.48
77	22496	0	0	4	18	46	0.68	0.22	0.03
78	22497	0	36	32	10	94	0.55	0.25	0.46
79	22498	0	54	13	7	67	0.48	0.25	0.35
80	22499	0	45	40	7	104	0.53	0.25	0.42
81	22500	0	22	16	19	86	0.60	0.24	0.52
82	22501	0	79	15	10	56	0.35	0.23	0.30
83	22502	0	8	1	0	170	0.95	0.05	0.26
84	22503	0	1	5	0	135	0.96	0.04	0.30
85	22504	0	11	6	3	175	0.90	0.09	0.38
86	22505	0	24	10	4	73	0.66	0.23	0.27
87	22506	0	28	21	72	18	0.13	0.11	0.08
88	22507	0	34	28	1	96	0.60	0.24	0.39
89	22508	0	4	7	3	91	0.87	0.12	0.12
90	22509	0	56	21	43	38	0.24	0.18	0.11
91	22510	0	6	0	3	80	0.90	0.09	0.05
92	22511	0	27	39	19	74	0.47	0.25	0.14
93	22512	0	12	4	24	43	0.52	0.25	0.33
94	22513	1	58	7	31	64	0.40	0.24	0.11
95	22514	0	12	24	1	87	0.70	0.21	0.22
96	22515	0	25	24	2	37	0.42	0.24	0.17
97	22516	0	55	26	37	58	0.33	0.22	0.08
98	22517	0	23	2	14	30	0.43	0.25	-0.02
99	22518	0	6	13	36	73	0.57	0.25	0.38

100	22519	0	21	32	33	74	0.46	0.25	0.27
101	22520	0	3	0	1	102	0.96	0.04	0.18
102	22521	0	3	4	25	75	0.70	0.21	0.11
103	22522	0	3	40	42	38	0.31	0.21	0.06



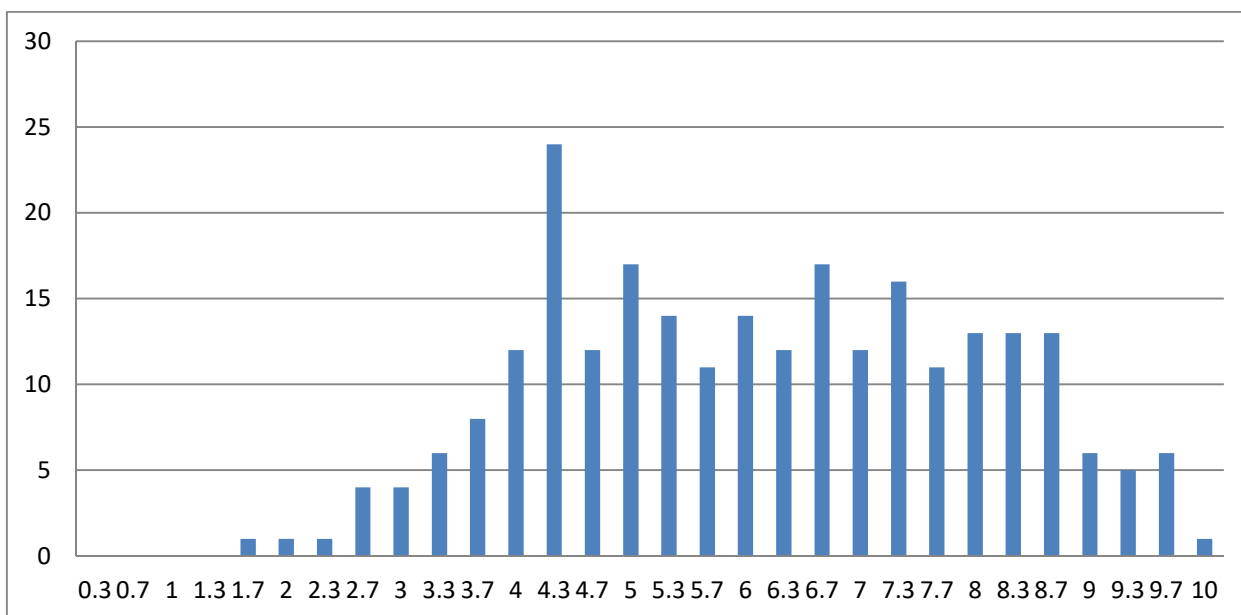
Biểu đồ 9: Kết quả đánh giá học kỳ I năm học 2018 - 2019
 Học phần: **Tâm lý học**

ĐÁNH GIÁ CÂU HỎI ĐỀ THI HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC

STT	Mã câu hỏi	Không chọn	Đáp án D	Đáp án C	Đáp án B	Đáp án A	Độ khó P	Độ khó PQ	Độ phân biệt
1	519	0	52	12	1	166	0.72	0.20	0.50
2	521	0	17	9	31	107	0.65	0.23	0.44
3	523	0	39	41	20	178	0.64	0.23	0.35
4	526	0	1	18	51	118	0.63	0.23	0.46
5	527	0	8	8	3	147	0.89	0.10	0.35
6	530	0	2	13	42	128	0.69	0.21	0.10
7	532	0	3	9	1	104	0.89	0.10	0.10
8	534	0	37	7	5	159	0.76	0.18	0.34
9	535	0	25	48	8	80	0.50	0.25	0.47
10	537	0	18	22	5	119	0.73	0.20	0.29

11	540	0	44	12	24	153	0.66	0.23	0.34
12	541	0	37	4	6	114	0.71	0.21	0.28
13	543	0	12	12	13	152	0.80	0.16	0.33
14	545	0	12	12	57	221	0.73	0.20	0.36
15	547	0	7	63	28	109	0.53	0.25	0.40
16	548	0	19	24	36	223	0.74	0.19	0.19
17	550	0	173	9	55	66	0.22	0.17	0.33
18	552	0	17	27	7	90	0.64	0.23	0.20
19	553	0	1	3	3	156	0.96	0.04	0.19
20	555	0	90	3	13	132	0.55	0.25	0.14
21	556	0	41	17	16	204	0.73	0.20	0.16
22	558	0	13	30	94	115	0.46	0.25	0.31
23	560	0	144	6	74	35	0.14	0.12	0.11
24	561	0	26	9	29	168	0.72	0.20	0.43
25	562	0	18	3	11	39	0.55	0.25	0.49
26	563	0	17	61	5	59	0.42	0.24	0.13
27	564	0	3	8	3	106	0.88	0.10	0.06
28	565	0	38	19	6	165	0.72	0.20	0.20
29	566	0	140	25	9	81	0.32	0.22	0.09
30	567	0	3	60	11	45	0.38	0.24	0.37
31	568	0	5	44	10	241	0.80	0.16	0.26
32	569	0	3	7	20	87	0.74	0.19	0.45
33	570	0	31	81	17	57	0.31	0.21	0.24
34	571	0	5	84	12	85	0.46	0.25	0.39
35	572	0	19	112	30	52	0.24	0.18	0.46
36	576	0	2	2	5	37	0.80	0.16	0.38
37	579	0	5	10	42	173	0.75	0.19	0.12
38	581	0	38	7	34	57	0.42	0.24	0.37
39	583	0	3	5	1	60	0.87	0.11	0.38
40	585	0	5	8	11	191	0.89	0.10	0.18
41	586	0	38	7	17	76	0.55	0.25	0.37
42	588	0	0	9	0	128	0.93	0.06	0.17
43	593	0	1	11	17	43	0.60	0.24	0.39
44	596	0	22	15	22	152	0.72	0.20	0.34
45	601	0	72	18	2	95	0.51	0.25	0.19
46	602	0	11	19	6	82	0.69	0.21	0.28
47	604	0	12	17	47	111	0.59	0.24	0.30
48	608	0	4	0	2	136	0.96	0.04	0.11
49	611	0	66	40	63	107	0.39	0.24	0.30
50	612	0	23	13	9	25	0.36	0.23	0.56
51	613	0	9	96	21	83	0.40	0.24	0.17
52	614	0	30	90	13	54	0.29	0.21	0.24
53	615	0	33	14	6	38	0.42	0.24	0.32

54	616	0	24	19	31	112	0.60	0.24	0.43
55	617	0	1	3	12	30	0.65	0.23	0.22
56	618	0	9	1	7	6	0.26	0.19	0.23
57	619	0	1	7	23	15	0.33	0.22	-0.23
58	620	1	7	5	21	58	0.63	0.23	0.46
59	621	0	7	33	27	24	0.26	0.19	0.08
60	622	0	8	4	9	49	0.70	0.21	0.18
61	623	0	5	44	66	25	0.18	0.15	-0.09
62	624	0	1	1	2	18	0.82	0.15	0.10
63	625	0	1	11	7	53	0.74	0.19	0.22
64	626	0	21	12	36	48	0.41	0.24	0.35
65	627	0	0	11	0	86	0.89	0.10	-0.37
66	628	0	16	67	20	62	0.38	0.23	0.41
67	629	0	2	1	5	40	0.83	0.14	0.14
68	630	0	2	7	1	61	0.86	0.12	0.35
69	631	0	0	44	26	24	0.26	0.19	0.22
70	633	0	15	54	13	33	0.29	0.20	0.33
71	634	0	3	3	13	73	0.79	0.16	0.20
72	635	0	1	65	0	24	0.27	0.20	0.34
73	636	0	8	8	32	44	0.48	0.25	0.49
74	637	0	0	47	25	165	0.70	0.21	0.09
75	639	0	0	3	2	19	0.79	0.16	0.31
76	641	0	82	23	3	9	0.08	0.07	0.03
77	643	0	2	5	4	36	0.77	0.18	0.19
78	645	0	11	18	2	83	0.73	0.20	0.10
79	648	0	0	5	2	130	0.95	0.05	0.08
80	652	0	23	42	23	53	0.38	0.23	0.29
81	655	0	2	8	10	27	0.57	0.24	0.12
82	658	0	73	36	11	136	0.53	0.25	0.53
83	662	0	47	3	1	46	0.47	0.25	0.35
84	664	0	1	22	10	126	0.79	0.16	0.22
85	665	0	29	9	24	77	0.55	0.25	0.30
86	668	0	1	4	33	151	0.80	0.16	0.45
87	670	0	39	18	50	57	0.35	0.23	0.22
88	671	0	0	1	2	46	0.94	0.06	0.15
89	672	0	1	23	25	68	0.58	0.24	0.20
90	673	0	52	6	16	88	0.54	0.25	0.33
91	674	0	5	22	19	23	0.33	0.22	0.39
92	675	0	14	33	31	105	0.57	0.24	0.01
93	678	0	1	3	30	34	0.50	0.25	0.24
94	680	0	66	3	25	22	0.19	0.15	0.52
95	685	0	6	1	115	63	0.34	0.22	0.43
96	687	0	57	9	27	211	0.69	0.21	0.13



Biểu đồ 10: Kết quả đánh giá học kỳ I năm học 2018 - 2019
 Học phần: **Toán cơ sở**

ĐÁNH GIÁ CÂU HỎI ĐỀ THI HỌC PHẦN TOÁN CƠ SỞ

STT	Mã câu hỏi	Không chọn	Đáp án D	Đáp án C	Đáp án B	Đáp án A	Độ khó P	PQ	Độ phân biệt
1	17819	0	3	27	3	50	0.60	0.24	0.25
2	17821	0	11	8	4	62	0.73	0.20	0.34
3	17823	0	2	3	1	128	0.96	0.04	0.19
4	17826	0	2	0	6	116	0.94	0.06	0.30
5	17827	0	0	1	8	48	0.84	0.13	0.31
6	17829	0	1	1	2	118	0.97	0.03	0.29
7	17832	0	3	3	23	70	0.71	0.21	0.28
8	17836	0	7	5	9	66	0.76	0.18	0.52
9	17837	0	1	2	2	102	0.95	0.04	0.15
10	17839	1	10	11	36	64	0.52	0.25	0.58
11	17840	0	4	2	21	55	0.67	0.22	0.44
12	17841	0	0	2	23	50	0.67	0.22	0.41
13	17844	0	1	0	0	34	0.97	0.03	0.28
14	17845	0	31	8	8	50	0.52	0.25	0.44
15	17846	0	18	17	8	46	0.52	0.25	0.56
16	17847	0	1	6	3	25	0.71	0.20	0.22
17	17848	0	18	5	5	69	0.71	0.21	0.38
18	17850	0	3	0	0	59	0.95	0.05	0.19

19	17851	0	5	4	5	122	0.90	0.09	0.40
20	17852	0	16	3	11	55	0.65	0.23	0.33
21	17853	0	1	2	11	55	0.80	0.16	0.48
22	17854	0	9	8	8	72	0.74	0.19	0.44
23	17855	1	5	24	5	51	0.59	0.24	0.70
24	17857	0	1	0	0	23	0.96	0.04	0.40
25	17859	0	7	11	4	86	0.80	0.16	0.50
26	17861	1	13	3	40	81	0.59	0.24	0.62
27	17862	0	2	6	2	61	0.86	0.12	0.17
28	17864	1	7	19	7	63	0.65	0.23	0.44
29	17866	0	4	5	11	27	0.57	0.24	0.53
30	17867	1	48	18	13	49	0.38	0.24	0.50
31	17869	0	9	8	9	87	0.77	0.18	0.59
32	17870	1	18	20	11	61	0.55	0.25	0.49
33	17872	0	7	16	19	43	0.51	0.25	0.26
34	17874	1	15	13	8	35	0.49	0.25	0.44
35	17876	1	3	7	2	48	0.79	0.17	0.44
36	17877	0	36	19	7	47	0.43	0.25	0.11
37	17879	0	15	10	34	28	0.32	0.22	0.35
38	17880	0	22	14	29	45	0.41	0.24	0.32
39	17881	0	22	34	2	85	0.59	0.24	0.42
40	17884	1	24	39	51	78	0.40	0.24	0.17
41	17885	1	15	55	15	110	0.56	0.25	0.33
42	17886	0	10	35	8	68	0.56	0.25	0.47
43	17887	0	0	0	6	82	0.93	0.06	0.31
44	17888	0	2	1	0	21	0.88	0.11	0.03
45	17890	0	40	19	10	74	0.52	0.25	0.34
46	17891	0	0	0	12	60	0.83	0.14	0.32
47	17892	0	17	26	55	24	0.20	0.16	0.24
48	17894	1	8	12	9	44	0.59	0.24	0.19
49	17896	2	10	8	10	65	0.68	0.22	0.29
50	17897	2	22	13	13	60	0.55	0.25	0.26
51	17898	0	16	26	27	77	0.53	0.25	0.40
52	17900	1	7	4	5	45	0.73	0.20	0.35
53	17902	0	17	9	18	18	0.29	0.21	0.27
54	17903	2	24	14	29	53	0.43	0.25	0.44
55	17905	0	22	25	10	39	0.41	0.24	0.28
56	17906	0	11	7	23	18	0.31	0.21	0.23
57	17912	1	6	7	4	64	0.78	0.17	0.48
58	17933	0	2	6	37	38	0.46	0.25	0.59
59	17943	0	5	18	9	19	0.37	0.23	0.35
60	17947	0	10	22	8	47	0.54	0.25	0.51
61	17959	0	15	10	15	57	0.59	0.24	0.64

62	17965	0	4	7	21	26	0.45	0.25	0.51
63	17983	0	14	8	14	60	0.63	0.23	0.50
64	17985	1	7	13	15	38	0.51	0.25	0.57
65	17987	3	10	9	16	98	0.72	0.20	0.40
66	17988	0	16	3	1	41	0.67	0.22	0.56
67	17990	1	7	1	4	37	0.74	0.19	0.34
68	17991	1	1	6	22	40	0.57	0.24	0.65
69	17993	0	12	18	20	25	0.33	0.22	0.31
70	17999	0	24	0	23	79	0.63	0.23	0.40
71	18006	0	15	14	14	42	0.49	0.25	0.32
72	18008	1	29	29	29	90	0.51	0.25	0.41
73	18009	0	25	23	13	60	0.50	0.25	0.57
74	18011	0	5	8	13	33	0.56	0.25	0.50
75	18012	0	4	10	13	31	0.53	0.25	0.59
76	18014	0	7	6	14	68	0.72	0.20	0.53
77	18015	0	3	3	11	31	0.65	0.23	0.57
78	18016	2	12	25	16	57	0.51	0.25	0.52
79	18018	0	10	15	5	31	0.51	0.25	0.49
80	18021	0	4	6	17	62	0.70	0.21	0.45
81	18023	1	5	7	25	60	0.61	0.24	0.54
82	18026	0	3	0	4	18	0.72	0.20	0.61
83	18028	0	3	1	4	15	0.65	0.23	0.57
84	18030	0	11	8	21	57	0.59	0.24	0.34

KIẾN NGHỊ

Giáo dục và đào tạo đại học ở nước ta đã từng bước phát triển rõ rệt về quy mô, đa dạng về loại hình và hình thức đào tạo, đạt được nhiều kết quả tích cực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần quan trọng tạo nên sự tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Để đạt được mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện, chuyển mô hình phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu dựa vào số lượng và quy mô sang chú trọng chất lượng và hiệu quả thì việc lựa chọn, vận dụng hình thức, mức độ đánh giá phù hợp với tính chất của từng nội dung, trường hợp cụ thể có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo. Để công tác kiểm tra đánh giá là khâu đột phá góp phần đảm bảo sự thành công của sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, trong thời gian tới chúng ta cần thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện hệ thống văn bản về công tác đào tạo và kiểm tra đánh giá trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực.
- Tiếp tục chuẩn hóa quy trình kiểm tra đánh giá song song với việc triển khai thử nghiệm trên một số học phần chọn lọc của sinh viên sư phạm chính quy.
- Triển khai việc phân tích kết quả học tập của sinh viên để điều chỉnh và cải tiến quá trình dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Nghệ An, ngày 15 tháng 12 năm 2019

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

TS. Nguyễn Ngọc Hiếu

KIẾN NGHỊ

Giáo dục và đào tạo đại học ở nước ta đã từng bước phát triển rõ rệt về quy mô, đa dạng về loại hình và hình thức đào tạo, đạt được nhiều kết quả tích cực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần quan trọng tạo nên sự tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Để đạt được mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện, chuyển mô hình phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu dựa vào số lượng và quy mô sang chú trọng chất lượng và hiệu quả thì việc lựa chọn, vận dụng hình thức, mức độ đánh giá phù hợp với tính chất của từng nội dung, trường hợp cụ thể có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo. Để công tác kiểm tra đánh giá là khâu đột phá góp phần đảm bảo sự thành công của sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, trong thời gian tới chúng ta cần thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện hệ thống văn bản về công tác đào tạo và kiểm tra đánh giá trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực.
- Tiếp tục chuẩn hóa quy trình kiểm tra đánh giá song song với việc triển khai thử nghiệm trên một số học phần chọn lọc của sinh viên sư phạm chính quy.
- Triển khai việc phân tích kết quả học tập của sinh viên để điều chỉnh và cải tiến quá trình dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Nghệ An, ngày 15 tháng 12 năm 2019

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG



TS. Nguyễn Ngọc Hiếu